Tham vấn ý kiến các tổ chức xã hội về sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992

10/2012 – 3/2013

Mục lục

Danh mục từ viết tắt **4**

Tóm tắt báo cáo **5**

Bối cảnh và phương pháp khảo sát 5

Một số kết luận vàđề xuất chính 5

1. Giới thiệu **7**

1.1. Bối cảnh khảo sát 7

1.2. Mục tiêu khảo sát 7

1.3. Đối tượng khảo sát 8

1.4. Phạm vi khảo sát 9

2. Phương pháp khảo sát và số lượng mẫu **10**

2.1. Khảo sát bằng Phiếu hỏi 10

3. Kết quả khảo sát **14**

3.1. Nhận thức chung về sửa đổi hiến pháp và quyền của người dân đối với việc sửa đổi hiến pháp 14

3.2. Góp ý quy định về tổ chức xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội trong hiến pháp 16

3.3. Góp ý sửa đổi, bổ sung các quy định về quyền con người, quyền nghĩa vụ cơ bản của công dân trong hiến pháp 18

3.4. Góp ý sửa đổi, bổ sung các quy định bảo đảm hiệu lực của hiến pháp 28

3.5. Góp ý sửa đổi bổ sung quy định về an sinh xã hội trong hiến pháp 31

4. Kết luận và đề xuất **33**

Phụ lục A: Phiếu khảo sát **35**

Phụ lục B: Danh sách các tỉnh tham gia khảo sát **51**

Lời cảm ơn

Nhóm chuyên gia của Trung tâm nghiên cứu tổ chức bộ máy nhà nước trân trọng cảm ơn các tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội dân sự ở các tỉnh, thành phố đã tham gia khảo sát quá trình thu thập phiếu khảo sát và phỏng vấn sâu, đặc biệt là hội luật gia, hội phụ nữ, liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật các tỉnh, thành phố tham gia khảo sát, các tổ chức xã hội dân sự như LIN, Cơ sở bảo trợ xã hội Thảo Đàn, Trung tâm tương lai, Viện nghiên cứu quản lý và chính sách (DOMI), Trung tâm môi trường và phát triển cộng đồng .v.v.

Chúng tôi cũng xin gửi lời cám ơn chân thành tới Ban quản lý dự án của Hội luật gia Việt Nam và Cán bộ chương trình về Nhà nước pháp quyền và Tiếp cận công lý của UNDP Việt Nam đã cung cấp tài liệu, hướng dẫn cũng như tham gia một cách sâu sát cùng với nhóm chuyên gia trong suốt quá trình thực hiện nghiên cứu. Nhóm chuyên gia đặc biệt cảm ơn những ý kiến và góp ý sâu sắc, hữu ích và có giá trị chuyên môn cao cả về khía cạnh phương pháp và nội dung của Cán bộ chương trình của UNDP đối với các dự thảo báo cáo của Nhóm chuyên gia. Các quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này là của các tác giả và không nhất thiết phải đại diện cho Liên Hợp Quốc, trong đó có UNDP hoặc bất kỳ thành viên nào của Liên Hợp Quốc.

Cuối cùng, nhóm chuyên gia cám ơn sự trợ giúp về chương trình làm việc và thủ tục tài chính của các cán bộ hành chính, tài chính dự án của Trung ương Hội luật gia Việt Nam để quá trình tiến hành thu thập phiếu khảo sát và phỏng vấn sâu được tiến hành một cách thuận lợi.

Danh mục từ viết tắt

ASXH	An sinh xã hội
XHNN	Xã hội nghề nghiệp
XHDS	Xã hội dân sự
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
UNDP	Chương trình Phát triển Liên hợp quốc

Tóm tắt báo cáo

Bối cảnh và phương pháp khảo sát

Nghiên cứu khảo sát ý kiến của các tổ chức xã hội về việc sửa đổi Hiến pháp 1992 được thực hiện theo yêu cầu của Hội luật gia Việt Nam trong khuôn khổ Dự án ”Trao quyền Pháp lý Thông qua Hỗ trợ cho Hội luật gia Việt Nam” do UNDP tài trợ. Mục tiêu của cuộc khảo sát là thu thập và tổng hợp các ý kiến về sửa đổi Hiến pháp 1992 của các tổ chức xã hội để Hội luật gia Việt Nam có thể sử dụng, phản ánh tới các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992, đặc biệt là Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 mà Hội luật gia Việt Nam là một thành viên.Đối tượng của nghiên cứu khảo sát là các tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội đặc thù ở cấp tỉnh (phân loại Quyết định 68/2010/QĐ-TTg; Quyết định này chính thức công nhận 28 tổ chức xã hội đặc thù) và các tổ chức xã hội dân sự.

Nội dung khảo sát là bốn vấn đề liên quan tới việc sửa đổi Hiến pháp 1992, bao gồm: (1) Việc quy định về tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội trong Hiến pháp; (2) Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân (3) Vấn đề bảo đảm hiệu lực của Hiến pháp; và (4) Vấn đề quy định về an sinh xã hội trong Hiến pháp.

Nghiên cứu áp dụng hai phương pháp khảo sát là phiếu phỏng vấn và phỏng vấn sâu. Khảo sát bằng phiếu là phương pháp chính. Phiếu phỏng vấn được phát tới đại diện từng tổ chức xã hội, mỗi tổ chức điền một phiếu. Đã có 545 tổ chức xã hội từ 45 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tham gia cuộc khảo sát. Phỏng vấn sâu được thực hiện với sự tham gia của 12 tổ chức xã hội. Phương pháp phỏng vấn sâu được áp dụng như phương pháp bổ trợ cho phương pháp khảo sát bằng phiếu.

Một số kết luận và đề xuất chính

Trên cơ sở phân tích ý kiến của các tổ chức xã hội qua số liệu khảo sát, nhóm chuyên gia đưa ra 11 kiến nghị và đề xuất liên quan tới các nội dung sửa đổi Hiến pháp 1992, trong đó có các đề xuất chính sau:

- Bổ sung vào Dự thảo sửa đổi Hiến pháp quy định về việc tổ chức cho nhân dân bỏ phiếu về các nội dung sửa đổi hiến pháp (phúc quyết hiến pháp).

- Bổ sung Chương 2 (quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân) của Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 quy định quyền con người và quyền cơ bản của công dân chỉ có thể bị giới hạn bởi Luật.

- Bổ sung Chương 2 (quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân) của Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 quy định Quốc hội có trách nhiệm ban hành luật để cụ thể hóa các quyền con người, quyền cơ bản của công dân.

- Bổ sung Chương 2 (quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân) của Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 quy định cơ quan nhà nước có nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền cơ bản của công dân; mọi cá nhân, công dân có quyền viện dẫn trực tiếp các quyền cơ bản của mình để yêu cầu các cơ quan nhà nước tôn trọng và bảo vệ.

- Bổ sung Chương 2 (quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân) của Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 quyền của công dân học tiểu học không phải đóng học phí và quyền của công dân được hưởng chế độ bảo hiểm y tế, tương tự quy định tại Điều 59, 61 Hiến pháp 1992 hiện hành.

1. Giới thiệu

1.1. Bối cảnh khảo sát

Quá trình sửa đổi Hiến pháp 1992 của Việt Nam được khởi động từ tháng 8 năm 2011 với việc Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành Nghị quyết số 06/2011/QH13 về sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992 và thành lập Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992. Đợt sửa đổi, bổ sung hiến pháp lần này về danh nghĩa là để thể chế hóa những điểm mới trong các chính sách cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện trong Cương lĩnh mới được bổ sung, phát triển qua Đại hội XI của Đảng tiến hành hồi tháng 1 năm 2011 và trên thực tế được kỳ vọng là đợt sửa đổi lớn dựa trên cơ sở tổng kết toàn diện việc thi hành Hiến pháp 1992. Ngay sau Nghị quyết 06, Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 đã thành lập Ban biên tập và tiến hành phân công công việc tổng kết thi hành hiến pháp tới các cơ quan cấp dưới cũng như trong các thành viên Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp. Dự thảo hiến pháp sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992 đã được chính thức công bố để lấy góp ý rộng rãi trong công chúng bắt đầu từ 2/1/2013. Trước khi đưa ra lấy ý kiến nhân dân, dự thảo đã được thảo luận tại kỳ họp thứ tư Quốc hội XIII. Phạm vi các ý kiến có thể đề cập tới bất kỳ nội dung nào của Dự thảo hiến pháp sửa đổi, bổ sung.

Hiến pháp là đạo luật cơ bản, có hiệu lực tối cao đối với toàn bộ hệ thống pháp luật và hoạt động của các cơ quan nhà nước. Sửa đổi hiến pháp, vì vậy là một vấn đề lớn và hệ trọng của quốc gia. Để bảo đảm quá trình sửa đổi hiến pháp diễn ra thực sự dân chủ, điều cốt lõi là các nội dung sửa đổi phản ánh được ý kiến và nhu cầu của xã hội. Ý kiến và nhu cầu của xã hội được phản ánh vào quá trình sửa đổi hiến pháp càng nhiều và thực chất bao nhiêu thì việc sửa đổi hiến pháp càng dân chủ và bản hiến pháp sửa đổi càng hợp lòng dân bấy nhiêu.

Trong bối cảnh đó, với sự tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật của UNDP và Hội luật gia Việt Nam, nghiên cứu khảo sát này được thực hiện nhằm thu thập ý kiến từ phía xã hội về một số nội dung cần sửa đổi, bổ sung của Hiến pháp 1992 để tập hợp và phản ánh các ý kiến đó lên các cơ quan có thẩm quyền, góp phần hoàn thiện thêm và làm cho hiến pháp sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992 phù hợp với ý chí, nguyện vọng của các tầng lớp trong xã hội.

1.2. Mục tiêu khảo sát

Mục tiêu của cuộc khảo sát là thu thập, xử lý và tổng hợp ý kiến của các tổ chức xã hội nghề nghiệp, xã hội dân sự về một số nội dung sửa đổi bổ sung Hiến pháp 1992. Kết quả của cuộc khảo sát là một báo cáo tổng hợp các ý kiến góp ý các nội dung sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992. Báo cáo khảo sát sẽ được Hội luật gia sử dụng dưới những hình thức thích hợp để chuyển tới Ủy bản dự thảo sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992 nhằm góp phần hoàn thiện Dự thảo hiến pháp sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992.

1.3 Thời gian tiến hành khảo sát:

Nghiên cứu khảo sát được tiến hành từ tháng 10/2012 đến tháng 3/2013. Các phiếu điều tra được phát tới các đối tượng khảo sát trong khoảng thời gian từ tháng 12/2012 tới tháng 1/2013. Các cuộc phỏng vấn sâu được tiến hành vào cuối tháng 1 và đầu tháng 2/2013. Dự thảo báo cáo nghiên cứu khảo sát được chuyển tới Hội luật gia và UNDP góp ý vào giữa tháng 3/2013. Lý do của lịch trình khảo sát, nghiên cứu trên là để có thể nộp Báo cáo nghiên cứu khảo sát cuối cùng cho Hội luật gia vào trước 25/3/2013 nhằm cung cấp số liệu và phân tích để Hội luật gia đưa vào Báo cáo góp ý hiến pháp của mình gửi Ủy ban dự thảo sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992 trước 31/3/2013.

1.3. Đối tượng khảo sát

Đối tượng tham gia khảo sát là các tổ chức xã hội nghề nghiệp và các tổ chức xã hội dân sự của Việt Nam. Trong phạm vi khảo sát này, các tổ chức xã hội nghề nghiệp được hiểu theo nghĩa rộng, tức là các tổ chức tự nguyện, không vụ lợi của công dân Việt Nam được thành lập trên cơ sở cùng ngành nghề, cùng giới, có chung mục đích tập hợp, hoạt động thường xuyên theo một tôn chỉ nhất định, bao gồm cả các tổ chức chính trị xã hội và các tổ chức xã hội nghề nghiệp đặc thù. Những tổ chức xã hội nghề nghiệp đó được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước ở mức độ nhất định. Các tổ chức xã hội nghề nghiệp tham gia vào khảo sát này là các tổ chức xã hội ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương của Việt Nam, trong đó có các tổ chức như: Hội luật gia, Đoàn luật sư, Liên hiệp hội khoa học kỹ thuật, Hội văn học, nghệ thuật, Hội nhà văn, Hội nhà báo, Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Hội sinh viên, Đoàn thanh niên, Hội nghệ sĩ sân khấu, Hội văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số, Hội người cao tuổi, Hội người mù, Hội nạn nhân chất độc da cam, Hội bảo trợ người tàn tật, Hội khuyến học, Hội chữ thập đỏ, Hội doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Hội nông dân, Công đoàn, Hội phật giáo, Ủy ban đoàn kết công giáo, Hội nạn nhân chất độc da cam/điioxin Việt nam .v.v.

Trong phạm vi khảo sát này, các tổ chức xã hội dân sự được hiểu là các tổ chức tự nguyện, không vụ lợi do công dân Việt Nam thành lập, hoạt động thường xuyên vì những mục đích xã hội hay cộng đồng nhất định và không có sự hỗ trợ trực tiếp từ phía ngân sách nhà nước để duy trì hoạt động, ví dụ các tổ chức thiện nguyện, các cơ sở từ thiện, các viện, tổ chức nghiên cứu độc lập.

Khi phân tích một số thông tin cụ thể, nhóm tổ chức xã hội nghề nghiệp có thể được phân thành các nhóm nhỏ hơn nhằm làm rõ quan điểm của một nhóm tổ chức nhất định.

Mỗi tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội dân sự tham gia vào khảo sát này có tư cách bình đẳng với nhau. Điều đó có nghĩa là mỗi tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội dân sự không phân biệt quy mô, vai trò trong hệ thống chính trị đều có một phiếu khảo sát; các phiếu khảo sát được xử lý như nhau. Các phiếu khảo sát được điền bởi các cá nhân đại diện cho các tổ

chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội dân sự đó. Các đại diện này được giả định là những người không có kiến thức cơ bản về luật hiến pháp.

1.4. Phạm vi khảo sát

* Phạm vi khảo sát về địa lý:

Về mặt địa lý, khảo sát được tiến hành trên toàn bộ phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Phiếu khảo sát được gửi tới các tổ chức xã hội thuộc tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương của Việt Nam. Theo yêu cầu công việc, số phiếu thu được để đưa vào xử lý phải phản ánh được tính đại diện vùng – miền, điều kiện, cơ cấu kinh tế - xã hội trong số các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương của Việt Nam.

* Phạm vi khảo sát về nội dung

Với nguồn lực và thời gian có hạn, nghiên cứu khảo sát này không thể lấy ý kiến của các tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội về việc sửa đổi, bổ sung tất cả các nội dung của HIến pháp 1992. Về mặt nội dung, phạm vi khảo sát ý kiến của các tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội chỉ tập trung vào các nội dung sau đây:

- Các vấn đề về nhận thức của các tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội về việc làm hiến pháp và sửa đổi hiến pháp, cụ thể là vấn đề nhân dân tham gia và quyết định các nội dung sửa đổi hiến pháp.

- Quy định về vai trò của tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội trong hiến pháp. Hiến pháp hiện hành không có quy định cụ thể về vai trò của các tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội. Mục tiêu khảo sát ở đây là tìm hiểu ý kiến của bản thân các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các tổ chức xã hội dân sự về sự cần thiết có quy định cụ thể trong hiến pháp về vai trò của các tổ chức này trong hệ thống chính trị, bên cạnh Đảng Cộng sản, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và Công đoàn như quy định của hiến pháp hiện hành.

- Các quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Lý do lựa chọn khảo sát nội dung này là vì đây là một trong những chế định của hiến pháp hiện hành, rất được quan tâm trong qua trình sửa đổi hiện nay. Các tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội là các tổ chức tập hợp và phản ánh sự quan tâm của người dân trong theo các thành phần, nghề nghiệp, giới tính, mục đích, nhu cầu khác nhau trong xã hội. Hơn ai hết các tổ chức đó có sự quan tâm một cách tự nhiên và cần thiết tới vấn đề quyền con người, quyền cơ bản của công dân và do đó có thể cung cấp những ý kiến thực tế và mang tính chất đại diện trong lĩnh vực của mình về vấn đề này.

- Các quy định về cơ chế bảo đảm hiện lực tối cao của hiến pháp.Trong quy định của hiến pháp hiện hành chưa có quy định cụ thể về một cơ quan bảo hiến hay cơ chế bảo hiến. Trong quá trình dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992, đây là một trong những vấn đềrất được quan tâm không chỉ của giới luật học mà của mọi tầng lớp trong xã hội. Từ góc độ tổ chức tập hợp trên cơ sở các lợi ích và mối quan tâm khác nhau trong xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các tổ chức xã

hội có thể cung cấp ý kiến có giá trị tham khảo về vấn đề này từ khía cạnh thực tiễn đời sống xã hội.

- Quy định về an sinh xã hội trong hiến pháp. Chế độ an sinh xã hội là lĩnh vực quan trọng thể hiện tính XHCN trong định hướng phát triển của Việt Nam. Hiến pháp hiện hành không có quy định cụ thể hoặc quy định khá tản mạn về an sinh xã hội. Mục tiêu khảo sát đối với nội dung này là tìm hiểu ý kiến về việc có nên quy định chế độ an sinh xã hội trong hiến pháp hay không và lý do của các phương án trả lời. Các tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội có thể góp tiếng nói rất có giá trị tham khảo về vấn đề này từ góc độ xã hội, đối tượng thụ hưởng trực tiếp của chế độ an sinh xã hội.

2. Ph□□ng pháp kh□o sát và s□ l□□ng m□u

2.1. Khảo sát bằng Phiếu hỏi

Phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi là phương pháp chủ đạo của nghiên cứu này, được áp dụng thông qua các công cụ: Phiếu hỏi và cách thức triển khai khảo sát bằng phiếu hỏi tại các tỉnh.

* Phiếu hỏi

Dựa trên mục tiêu và nội dung khảo sát, nhóm nghiên cứu đã thiết kế một Phiếu hỏi làm công cụ khảo sát. Quá trình thiết kế phiếu hỏi dựa trên các nguyên tắc sau đây:

- Các câu hỏi phải đơn giản để người đọc hiểu được ý hỏi và xác định được ý trả lời.

- Tránh sử dụng các thuật ngữ pháp lý chuyên ngành. Trong trường hợp bắt buộc sử dụng thì đơn giản hóa tới mức có thể các thuật ngữ đó bằng ngôn ngữ thông thường để người trả lời không có kiến thức chuyên sâu về pháp luật cũng có thể hiểu được đủ ý nghĩa của câu hỏi.

- Đối với các phần hỏi về những vấn đề có thể chưa quen thuộc hoặc cần có xác định khái niệm thống nhất làm cơ sở trả lời các câu hỏi, phải có đề dẫn trước mỗi phần câu hỏi tương ứng.

- Tổng thể phiếu hỏi nên đủ dài để người trả lời chỉ mất tối đa 45 phút hoàn thành việc trả lời. Phiếu hỏi quá dài sẽ dẫn tới tình trạng người được hỏi bị phân tâm và chất lượng câu trả lời có thể bị ảnh hưởng.

Phiếu hỏi được thiết kế bao gồm 18 trang, 42 câu hỏi chính, trong một số câu hỏi chính có từ 3 đến 15 câu hỏi thành phần (Phụ lục B). Căn cứ vào nội dung khảo sát đã được xác định, các câu hỏi được bố trí thành năm phần:

- Phần A gồm các câu hỏi để phân loại đối tượng khảo sát, thu thập ý kiến của người được khảo sát về hiệu lực của hiến pháp, kỳ vọng vào quá trình sửa đổi Hiến pháp 1992 lần này và việc nhân dân tham gia quyết định nội dung hiến pháp. Phần này có 11 câu hỏi.

- Phần B gồm các câu hỏi về việc có nên quy định về tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội trong hiến pháp. Phần này có 4 câu hỏi.

- Phần C gồm 18 câu hỏi lấy ý kiến về các nội dung quyền con người, quyền cơ bản của công dân. Các vấn đề được hỏi là: mức độ sử dụng quyền cơ bản quy định trong hiến pháp, thực tiễn bảo đảm thực thi các quyền cơ bản, cách thức quy định các quyền cơ bản, việc đưa một số quyền cơ bản cụ thể vào hiến pháp .v.v. Thuật ngữ "quyền cơ bản" là thuật ngữ pháp lý mang tính chuyên ngành. Vì vậy, nhóm chuyên gia đã bố trí một phần đề dẫn ở đầu Phần C giới thiệu một cách ngắn gọn khái niệm để thống nhất cách hiểu của người trả lời về thuật ngữ "quyền cơ bản", tránh việc hiểu khác nhau có thể ảnh hưởng tới kết quả trả lời.

- Phần D gồm 10 câu hỏi lấy ý kiến về các quy định nhằm bảo đảm hiệu lực thực thi của hiến pháp trong thực tiễn. Các vấn đề được hỏi là: hiệu lực thi hành các quy định của hiến pháp trong thực tiễn, sự cần thiết có cơ chế bảo đảm thi hành và mô hình của cơ chế bảo đảm thi hành hiến pháp trong thực tiễn.

- Phần E gồm 4 cầu hỏi lấy ý kiến về việc quy định chế độ an sinh xã hội trong hiến pháp. Các vấn đề được hỏi là sự cần thiết, cách thức và nội dung quy định chế độ an sinh xã hội trong hiến pháp. Để thống nhất cách hiểu về "an sinh xã hội" giữa những người trả lời, nhóm chuyên gia cũng thiết kế một đoạn đề dẫn ngắn về khái niệm "an sinh xã hội" ở đầu Phần E.

Phiếu hỏi đã được tiến hành đưa ra khảo sát thử với 20 người trả lời bao gồm cả người có và không có kiến thức chuyên ngành luật. Phiếu hỏi sau đó đã được hoàn thiện để trở thành bản chính thức.

* Cách thức triển khai điền phiếu khảo sát:

Phiếu hỏi sau khi hoàn thiện được gửi tới thường trực hội luật gia của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ở Việt Nam với số lượng 13 phiếu mỗi tỉnh, riêng Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh do số lượng các tổ chức xã hội dân sự nhiều nên tại đây có tăng thêm số lượng các phiếu có thể lấy được của các tổ chức này. Cùng với Phiếu hỏi là bản hướng dẫn chi tiết cách thức tiến hành phát phiếu, hướng dẫn điền phiếu khảo sát ở các tỉnh. Phiếu hỏi được chuyển tới các tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội theo một danh sách do nhóm chuyên gia xác định trên cơ sở Danh tập một số tổ chức hội, liên hiệp hội và phi chính phủ Việt Nam (Quỹ Châu Á (The Asia Foundation) và Viện Nghiên cứu Xã hội (ISS), 2011), danh mục các tổ chức thành viên Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) và danh sách các tổ chức xã hội nghề nghiệp, xã hội dân sự khác không có trong Danh tập nêu trên. Người tiến hành khảo sát ở các tỉnh phải đưa phiếu tới người có trách nhiệm của từng tổ chức để tiến hành điền phiếu. Cách thức thu phiếu, gửi phiếu và thời hạn cũng được hướng dẫn cụ thể. Kèm trong tài liệu gửi đi các tỉnh là một bảng danh sách để người tiến hành khảo sát ở địa phương điền thông tin liên hệ của những người tham gia khảo sát. Đây là cuộc khảo sát khuyết danh vì vậy người khảo sát không bắt buộc tiết lộ danh tính. Danh sách nói trên được sử dụng với mục đích kiểm tra mức độ xác thực của việc tham gia cuộc khảo sát.

* Số phiếu thu được:

Kết quả khảo sát thu được Phiếu khảo sát ở 45 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương với tổng số 545/621 phiếu có giá trị thông tin. Các tỉnh thành tham gia khảo sát (Phụ lục D) có tính đại diện cao. Trong số 45 tỉnh, thành phố có 18 ở khu vực phía Bắc, 12 khu vực miền Trung và 15 khu vực miền Nam; có 11 tỉnh miền núi cả ở phía Bắc và miền Trung; có 6 tỉnh thuần nông nghiệp cả ở khu vực phía Bắc và phía Nam; có 4 thành phố trực thuộc trung ương là Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Hải phòng; có các tỉnh công nghiệp mới nổi như Vĩnh Phúc, Đồng Nai, Bình Dương; có các tỉnh kinh tế tương đối phát triển như Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Đồng Nai, Bình dương cho tới các tỉnh thuộc diện kinh tế khó khăn nhất của cả nước như Lào Cai, Hà Giang, Quảng Ngãi; có 4 tỉnh miền Trung – Tây Nguyên là Lâm Đồng, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông.

Nếu xếp theo phân loại các tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổng số 545 phiếu khảo sát thu được phân bổ như sau:

Tổ chức	**Số phiếu**	**Tổ chức**	**Số phiếu**
Hội phụ nữ	44	Hội người cao tuổi	**27**
Liên đoàn lao động	27	Hội nghệ sĩ sân khấu	2
Đoàn thanh niên	41	Liên minh hợp tác xã	19
Hội nông dân	31	Hội doanh nghiệp	14
Hội cựu chiến binh	35	Hội chữ thập đỏ	16
Hội luật gia tỉnh	45	Hội người mù	7
Đoàn luật sư	16	Hội làm vườn	2
Hội nhà báo	26	Hội nạn nhân chất độc da cam	18
Hội nhà văn	12	Hội bảo trợ người tàn tật, trẻ mồ côi	19
Hội liên hiệp khoa học kỹ thuật	29	Ủy ban đoàn kết công giáo	3
Hội văn học nghệ thuật	12	Hội phật giáo	6
Hội sinh viên	8	Tổ chức xã hội dân sự	36
Hội khuyến học	19	Tổ chức khác (hội đông y, hội thanh niên khuyết tật, trung tâm hỗ trợ cộng đồng, làng thiếu niên, hội khuyết tật, hội khuyến học, hội bảo trợ bệnh nhân nghèo, người tàn tật …)	31
		Tổng số	**545**

Tỷ lệ số phiếu thu được tính theo phân loại tổ chức là hợp lý, phù hợp với mức độ tham gia vào đời sống xã hội của các tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội dân sự, các tổ chức xã hội nghề nghiệp lớn đều có tỷ lệ phiếu lớn, ví dụ Hội luật gia, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Hội nhà báo. Đặc biệt, trong số phiếu thu được có 36 phiếu của các tổ chức xã hội dân sự và 9 phiếu của các tổ chức tôn giáo. Nếu xếp theo cơ cấu tổ chức xã

hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp nói chung chiếm 91,7%, tổ chức xã hội dân sự chiếm 6,6%, tổ chức tôn giáo chiếm 1,7% (Biểu đồ 1).

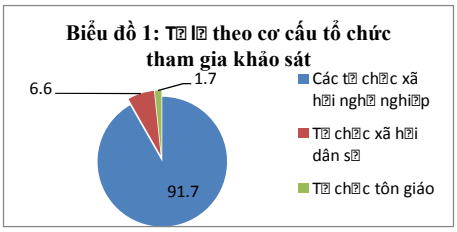

Nếu xếp theo giới tính, tỷ lệ người tham gia khảo sát là nam giới chiếm 59,7%, nữ giới chiếm 40,3%. Nếu xếp theo độ tuổi, tỷ lệ người tham gia có độ tuổi dưới 25 là 5,3%, từ 25 đến 40 tuổi chiếm 35,2%, từ 41 đến 55 tuổi chiếm 59,5%. Nếu xếp theo trình độ học vấn của những người tham gia khảo sát có 10,5% trình độ trên đại học, 71,2% trình độ đại học, 13% trình độ cao đẳng và trung cấp, 5,4% trình độ phổ thông. Nếu xếp theo tôn giáo của người tham gia phỏng vấn, có 17,3% Phật giáo, 4% Thiên chúa giáo, 0,4% Đạo Hòa hảo, 0,6% Tin lành và 77,7% không tôn giáo. Nếu xếp theo dân tộc, có 88,5% người tham gia thuộc dân tộc Kinh, 4,2% dân tộc Tày, 3,1% dân tộc Thái, 0,8% dân tộc Hoa, 0,8% dân tộc Mường và 2,7% thuộc các dân tộc khác.

2.2. Phỏng vấn sâu

Phương pháp phỏng vấn sâu được sử dụng làm phương pháp nghiên cứu bổ trợ cho khảo sát bằng Phiếu hỏi. Mục tiêu sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu là tìm hiểu một cách kỹ lưỡng lý do lựa chọn một số phương án trả lời trong Phiếu hỏi, đặc biệt là đối với các câu hỏi mở trong tất cả các phần của Phiếu hỏi. Phương pháp phỏng vấn sâu cũng đồng thời nhằm mục tiêu thu thập thêm thông tin về ý kiến của các tổ chức xã hội dân sự. Chính vì vậy, địa bàn chọn để tiến hành phỏng vấn sâu là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Để tiến hành phương pháp này, nhóm chuyên gia đã lựa chọn 12 tổ chức tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Để bảo đảm thu thập được ý kiến bổ sung cân bằng với hai nhóm đối tượng khảo sát lớn trình bày trên đây, ở mỗi thành phố nhóm chuyên gia chọn 2 tổ chức xã hội nghề nghiệp và 4 tổ chức xã hội dân sự. Đại diện nhóm chuyên gia đã đem Phiếu hỏi đến trực tiếp phỏng vấn đại diện của các tổ chức, đặc biệt là hỏi sâu về lý do lựa chọn các phương án trong các câu hỏi mở. Việc tiến hành phỏng vấn sâu cũng được thực hiện theo nguyên tắc khuyết danh.

3. K□t qu□ kh□o sát

3.1. Nhận thức chung về sửa đổi hiến pháp và quyền của người dân đối với việc sửa đổi hiến pháp

Kết quả khảo sát cho thấy tuyệt đại đa số tổ chức XHNN, tổ chức XHDS đã biết về quá trình sửa đổi Hiến pháp 1992 từ trước khi tiến hành khảo sát (94.6%), chỉ có 29 tổ chức (chiếm 5.4%) mới biết về việc sửa đổi hiến pháp khi đọc Phiếu khảo sát, trong đó có 10 tổ chức XHDS và 19 tổ chức XHNN khác. (Biểu đồ 2)

Biểu đồ 2 cũng cho thấy các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài) là những nguồn thông tin quan trọng nhất cho các tổ chức XHNN và XHDS về việc sửa đổi hiến pháp với 77,5% số tổ chức tiếp nhận thông tin từ nguồn này. Các nguồn thông tin khác chỉ giữ vai trò thứ yếu, như họp cơ quan, đơn vị (27,9%) hay trao đổi với bạn bè (17,3%).

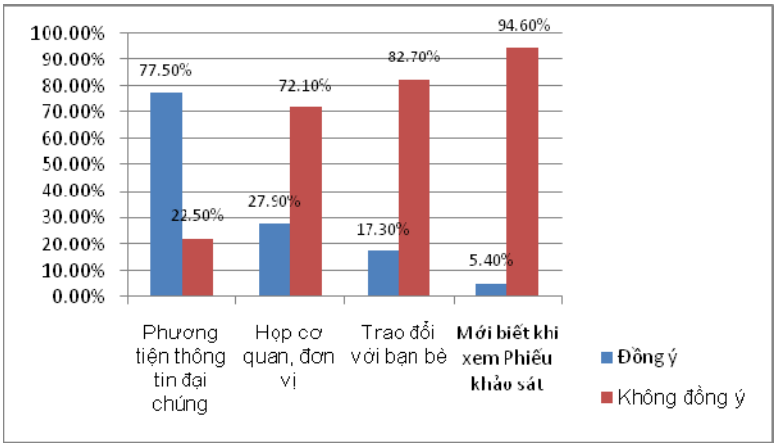

Biểu đồ 2: Nguồn thông tin về sửa đổi hiến pháp

Các tổ chức XHNN và XHDS dường như đều có cùng kỳ vọng đối với quá trình sửa đổi hiến pháp lần này. Tuyệt đại đa số các tổ chức kỳ vọng việc sửa đổi hiến pháp sẽ đạt được bốn mục đích sau đây:

- Bảo đảm bộ máy nhà nước minh bạch, hiệu quả hơn (99,2% đồng ý)

- Bảo đảm cho người dân quyền được biết, được bàn, được kiểm tra (98,2% đồng ý)

- Bảo đảm quyền cơ bản của người dân (98,6% đồng ý)

- Bảo đảm cơ quan nhà nước không lạm quyền (98,2% đồng ý)

Tỷ lệ giữa các tổ chức XHNN, XHDSvà tôn giáo có cùng kỳ vọng đối với việc sửa đổi Hiến pháp 1992 cũng có sự thống nhất rất cao với 91,7% tổ chức XHNN, 91,6% XHDS và 77,7% tổ chức tôn giáo có cùng kỳ vọng thứ nhất. Ba phương án kỳ vọng còn lại đều đạt tỷ lệ 97%-99% đồng ý giữa ba nhóm tổ chức. Các tổ chức XHDS là những tổ chức mang tính xã hội cao nhất và thường được cho là quan tâm nhiều tới vấn đề quyền cơ bản hiến định. Tuy nhiên,

kết quả khảo sát chỉ ra rằng thực tế các tổ chức tôn giáo kỳ vọng vào việc sửa đổi hiến pháp bảo đảm quyền cơ bản của công dân nhiều hơn một chút so với các tổ chức XHDS (100% so với 91,6%). Mặc dù có những khác biệt nhỏ song vẫn có thể thấy rằng sự chia sẻ kỳ vọng giữa các tổ chức tham gia khảo sát là rất cao.

Có lẽ do có cùng kỳ vọng lớn như vậy nên các tổ chức XHNN, XHDS và tôn giáo đều ý thức rất nghiêm túc về việc tham gia góp ý sửa đổi hiến pháp. Tuyệt đại đa số tổ chức cho rằng người dân có quyền tham gia góp ý sửa đổi hiến pháp (93,8%); chỉ có 2,6% không đồng ý người dân có quyền này (Biểu đồ 3).

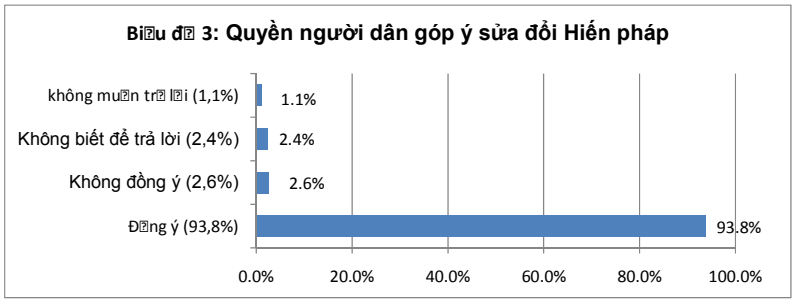

Đối với quyền biểu quyết hiến pháp tỷ lệ đồng thuận tuy thấp hơn song vẫn đạt mức rất cao với 65,9% người đồng ý, 27,1% người không đồng ý, 3,4% người không biết trả lời và 3,6% không muốn trả lời (Biểu đồ 4). Trong số các tổ chức ủng hộ quyền phúc quyết có 316/345 tổ chức XHNN (91,5%), có tỷ lệ cao hơn nhiều so với các tổ chức XHDS với 25/36 tổ chức (69,4%) và các tổ chức tôn giáo (4/9 đạt 44,4%).

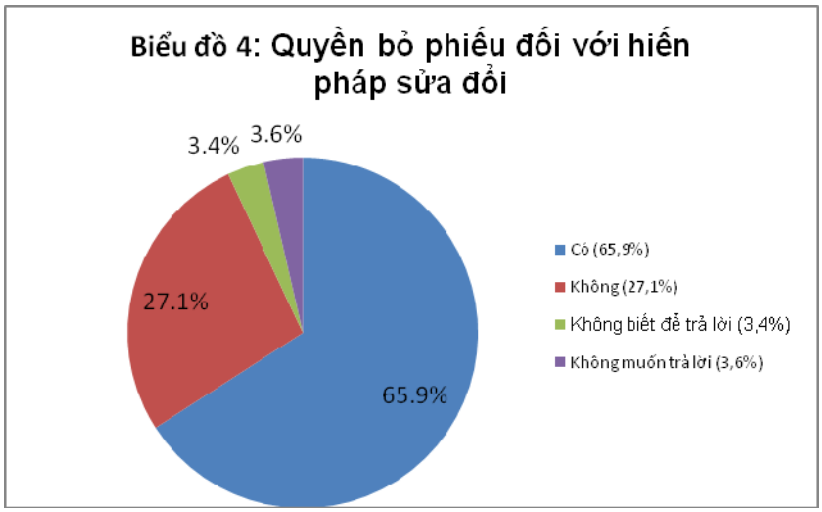

Có thể thấy các số liệu cho thấy một sự "mâu thuẫn" khá thú vị. Trong khi sự kỳ vọng vào việc sửa đổi hiến pháp là hết sức lớn như đề cập trên đây, mức độ quan tâm và khẳng định

quyền tham gia góp ý sửa đổi hiến pháp cũng rất cao (93,8%, xem Biểu đồ 3), sự quan tâm tới quyền phúc quyết hiến pháp sửa đổi lại không lớn một cách tương xứng, chỉ đạt 65,9%. Trong số người trả lời Phiếu hỏi có tới 81,7% có trình độ đại học trở lên, gần 95% có trình độ cao đẳng trở lên. Có lẽ với trình độ nhận thức khá cao, những người trả lời đã có sự suy xét kỹ sự khác biệt giữa tham gia đóng góp ý kiến sửa đổi hiến pháp và bỏ phiếu phúc quyết hiến pháp. Phỏng vấn sâu các tổ chức XHNN và XHDS cho thấy suy luận này là đúng. Một số tổ chức tham gia phỏng vấn sâu đều cho rằng phúc quyết hiến pháp là vấn đề quyết định đối với nội dung điều khoản của hiến pháp; đây là vấn đề hệ trọng và mang tính kỹ thuật cao; người dân có thể góp ý hoàn thiện dự thảo song để thực sự quyết định về bản hiến pháp cuối cùng thì không phải ai cũng có đủ hiểu biết để thực hiện một cách hiệu quả. Cũng có ý kiến khác cho rằng biểu quyết về hiến pháp nhiều khi mang tính kỹ thuật, ví dụ sửa đổi thuật ngữ chuyên ngành hay một điều khoản cụ thể của tổ chức, hoạt động của cơ quan nhà nước; những vấn đề đó quá mang tính kỹ thuật và không phải lúc nào cũng đòi hỏi sự đồng thuận chính trị, do đó việc trưng cầu dân ý nếu được tổ chức, triển khai mang tính hình thức sẽ là một qui trình tốn kém và không có ý nghĩa thực tế. Bản thân khái niệm trưng cầu dân ý và thể thức tiến hành cũng là vấn đề các chuyên gia luật hiến pháp ở Việt Nam còn nhiều tranh luận.

3.2. Góp ý quy định về tổ chức xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội trong hiến pháp

Hiến pháp 1992 hiện hành không có quy định riêng để điều chỉnh vai trò của tổ chức XHNN và XHDS. Đại đa số (84,6%) các tổ chức tham gia khảo sát cho rằng hiến pháp sửa đổi nên dành điều khoản để quy định về các tổ chức này. Năm lý do được đưa ra trong Phiếu khảo sát đều dành được sự đồng thuật của tuyệt đại đa số các tổ chức (Biểu đồ 5), theo đó nếu hiến pháp có quy định về vị trí, vai trò của các tổ chức XHNN và XHDS thì sẽ:

- Thứ nhất, thể hiện chế độ xã hội dân chủ một cách rõ nét hơn;

- Thứ hai, tạo nền tảng pháp lý cơ bản cho hoạt động của tổ chức XHNN, XHDS;

- Thứ ba, giúp hoạt động lập chính sách và thi hành chính sách của cơ quan nhà nước phù hợp thực tiễn;

- Thứ tư, giúp hoạt động lập chính sách và thi hành chính sách phù hợp mong muốn của xã hội;

- Thứ năm, giúp các tổ chức XHNN, XHDS có cơ sở phản ánh tốt hơn ý kiến, nguyện vọng của các tầng lớp dân cư.

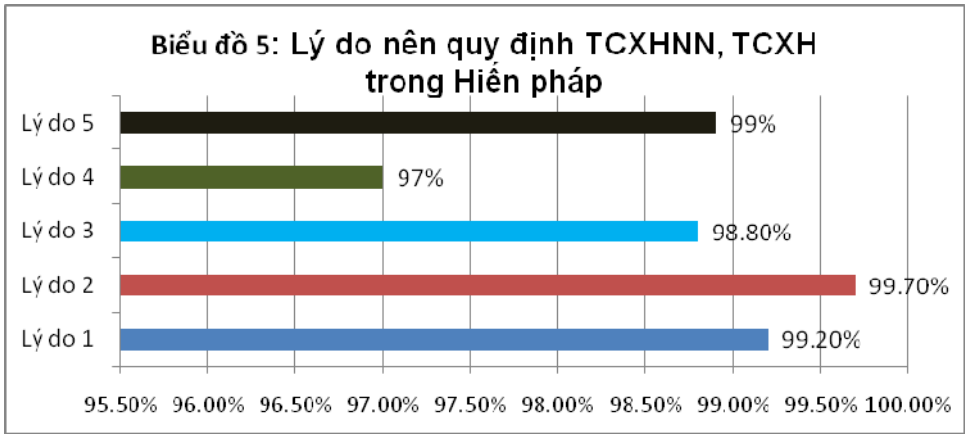

Các tổ chức tham gia khảo sát cũng có sự đồng thuận lớn về các nội dung về vị trí, vai trò của các tổ chức XHNN, XHDS cần được đưa vào hiến pháp sửa đổi, trong đó có 6 nội dung sau:

- Quy định công dân có quyền thành lập các TCXHNN, TCXH phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng và theo quy định của pháp luật. (89,5% đồng ý, 9% không đồng ý).

- Quy định tổ chức xã hội nghề nghiệp tập hợp và đại diện cho các lợi ích và nhu cầu chính đáng của các tầng lớp nhân dân. (97,7% đồng ý, 2% không đồng ý)

- Quy định tổ chức xã hội, nghề nghiệp tham gia xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật. (96,2% đồng ý, 2,3% không đồng ý)

- Quy định tổ chức xã hội, nghề nghiệp thực hiện phản biện đối với chính sách, pháp luật do cơ quan nhà nước dự thảo và ban hành trong các lĩnh vực tương ứng. (93,6% đồng ý, 5% không đồng ý)

- Quy định tổ chức xã hội, nghề nghiệp tuyên truyền, vận động các thành viên thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước trong các lĩnh vực tương ứng. (98,6% đồng ý, 1,4% không đồng ý)

- Quy định tổ chức xã hội, nghề nghiệp, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước trong các lĩnh vực có liên quan tới phạm vi hoạt động của mình. (95,5% đồng ý, 3,7% không đồng ý)

Đối với các tổ chức cho rằng không nên quy định về tổ chức XHNN, XHDS trong hiến pháp (chiếm 15,4% số tổ chức tham gia khảo sát), Phiếu điều tra đưa ra bốn lý do để giải thích cho quan điểm này. Kết quả xử lý phiếu cho thấy, đa số các tổ chức nêu trên đồng ý với một lý do, đó là nên quy định về tổ chức XHNN và XHDS trong luật thay vì trong hiến pháp. Chỉ có thiểu số các tổ chức cho rằng việc quy định về tổ chức XHNN và XHDS trong hiến pháp sẽ cản trở hoạt động lập chính sách và thi hành chính sách, làm giảm bản chất Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hay cho rằng các tổ chức XHNN ít quan trọng hơn các tổ chức chính trị (Biểu đồ 6). Như vậy, lý do không quy định tổ chức XHNN,

XHDS trong hiến pháp của nhóm thiểu số các tổ chức XHNN, XHDS

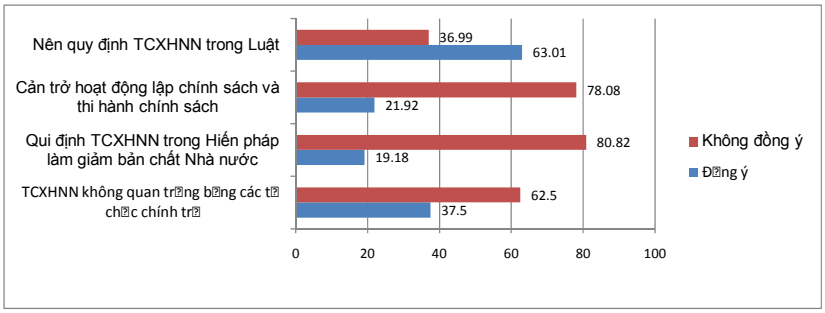

này chỉ đơn thuần mang tính kỹ thuật lập pháp. Trong quá trình phỏng vấn sâu có 2 tổ chức cho rằng quy định về tổ chức XHNN, XHDS trong luật sẽ có điều kiện điều chỉnh cụ thể hơn đối với hoạt động của các tổ chức này.

Trong quá trình phỏng vấn sâu và đặc biệt là trong quá trình hội thảo góp ý Báo cáo cũng có một số ý kiến từ phía các tổ chức XHDS cho rằng không cần thiết quy định về các tổ chức XHDS trong Hiến pháp[1]. Lý do mà các tổ chức này đưa ra là đối với các tổ chức XHDS điều quan trọng không phải là được quy trong Hiến pháp hay không mà chính là việc quyền lập hội, hội họp của công dân có được bảo đảm và có khung pháp lý để các tổ chức XHDS được thành lập và hoạt động một cách hợp pháp trong thực tiễn.

3.3. Góp ý sửa đổi, bổ sung các quy định về quyền con người, quyền nghĩa vụ cơ bản của công dân trong hiến pháp

*** Nhận thức về mức độ sử dụng quyền con người, quyền cơ bản của công dân**

Một trong những vấn đề được đưa ra khảo sát để làm nền tảng cho việc lấy ý kiến sửa đổi chế định của hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân là nhận thức của các tổ chức XHNN, XHDS về mức độ phổ biến của việc sử dụng quyền cơ bản trong cuộc sống hàng ngày. Trong số các đại diện tổ chức XHNN, XHDS tham gia khảo sát, 94,8% cho rằng bản thân họ hoặc trong phạm vi công việc có sử dụng các quyền cơ bản hiến định để bảo vệ mình, trong số đó có 64,8% khẳng định thường xuyên sử dụng các quyền cơ bản hiến định trong đời sống hàng ngày. Không những bản thân sử dụng quyền cơ bản hiến định, 82.1% đại diện các tổ chức được khảo sát cũng khẳng định rằng trong cuộc sống hàng ngày hoặc trong công việc họ có chứng kiến người khác sử dụng chế định quyền cơ bản để bảo vệ mình trước cơ quan nhà nước (Biểu đồ 7). Có thể nói từ góc độ nghiên cứu khoa học pháp lý, số liệu về mức độ sử dụng

[1] Đại diện Viện nghiên cứu xã hội kinh tế và môi trường (iSEE) đã trình bày tóm tắt góp ý kiến của 35 tổ chức phi chính phủ Việt Nam, thành viên mạng lưới do PPWG, GPAR và các tổ chức khác, về góp ý Hiến pháp sửa đổi, tổ chức vào ngày 7 tháng 3 năm 2013 tại Hà Nội.

quyền cơ bản hiến định ở đây là khá ấn tượng bởi về mặt lý luận các quyền cơ bản hiến định vốn vẫn được coi là có tính thực tiễn khá thấp và người dân thường quan tâm nhiều tới các quyền và nghĩa vụ pháp lý quy định trong các văn bản pháp luật ở cấp dưới hơn là hiến pháp.

Biểu đồ 7: Mức độ sử dụng quyền con người trong đời sống

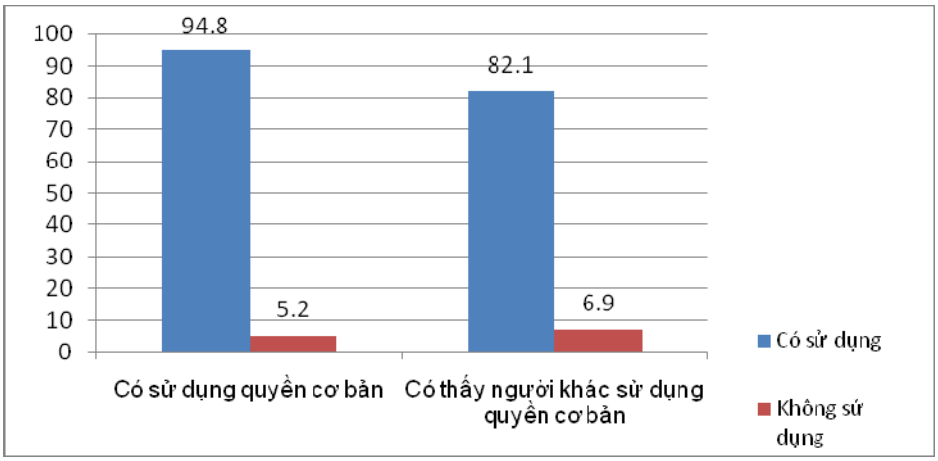

Số liệu khảo sát cũng cho thấy tỷ lệ các tổ chức XHNN và XHDS có sử dụng quyền con người và quyền cơ bản của công dân ở mức độ gần tương đương nhau, với 33/36 (91,6%) tổ chức XHDS có sử dụng quyền cơ bản và 460/490 (93,8%) tổ chức XHNN có sử dụng quyền cơ bản. Điều này cho thấy mức độ quan tâm và sử dụng quyền cơ bản hiến định của các tổ chức XHNN và XHDS là tương đương nhau. Toàn bộ 9/9 tổ chức đại diện tôn giáo khẳng định họ có sử dụng quyền con người, quyền cơ bản của công dân. Tuy nhiên điều này không có nghĩa là các tổ chức tôn giáo sử dụng các quyền cơ bản nhiều hơn hai nhóm tổ chức còn lại bởi vì số lượng các tổ chức tôn giáo tham gia khảo sát này còn khá khiêm tốn so với thực tế.

*** Về mức độ bảo đảm các quyền con người, quyền cơ bản của công dân**

Bảo đảm hiệu lực thực thi các quy định về quyền con người, quyền cơ bản của công dân trong hiến pháp là một vấn đề hết sức được quan tâm không chỉ về mặt lý luận mà còn trên thực tế. Về mặt lý luận, quyền cơ bản không được bảo đảm cũng có nghĩa là nền tảng của hiến pháp pháp quyền không xác lập được; về mặt thực tế, quyền cơ bản không được bảo đảm thì sự xuất hiện của chúng trong hiến pháp cũng không có ý nghĩa.

Nhóm nghiên cứu đã khảo sát nhận xét của các tổ chức về mức độ bảo đảm đối với 15 quyền tự do và bình đẳng quan trọng nhất trên thực tế. Cần lưu ý rằng các tổ chức XHNN, XHDS và tôn giáo là những tổ chức đại diện cho tiếng nói và lợi ích khác nhau trong xã hội. Ý kiến nhận xét của họ về vấn đề này chủ yếu xuất phát từ quá trình hoạt động của họ.

Biểu đồ 8: Mức độ bảo đảm các quyền cơ bản trong thực tiễn

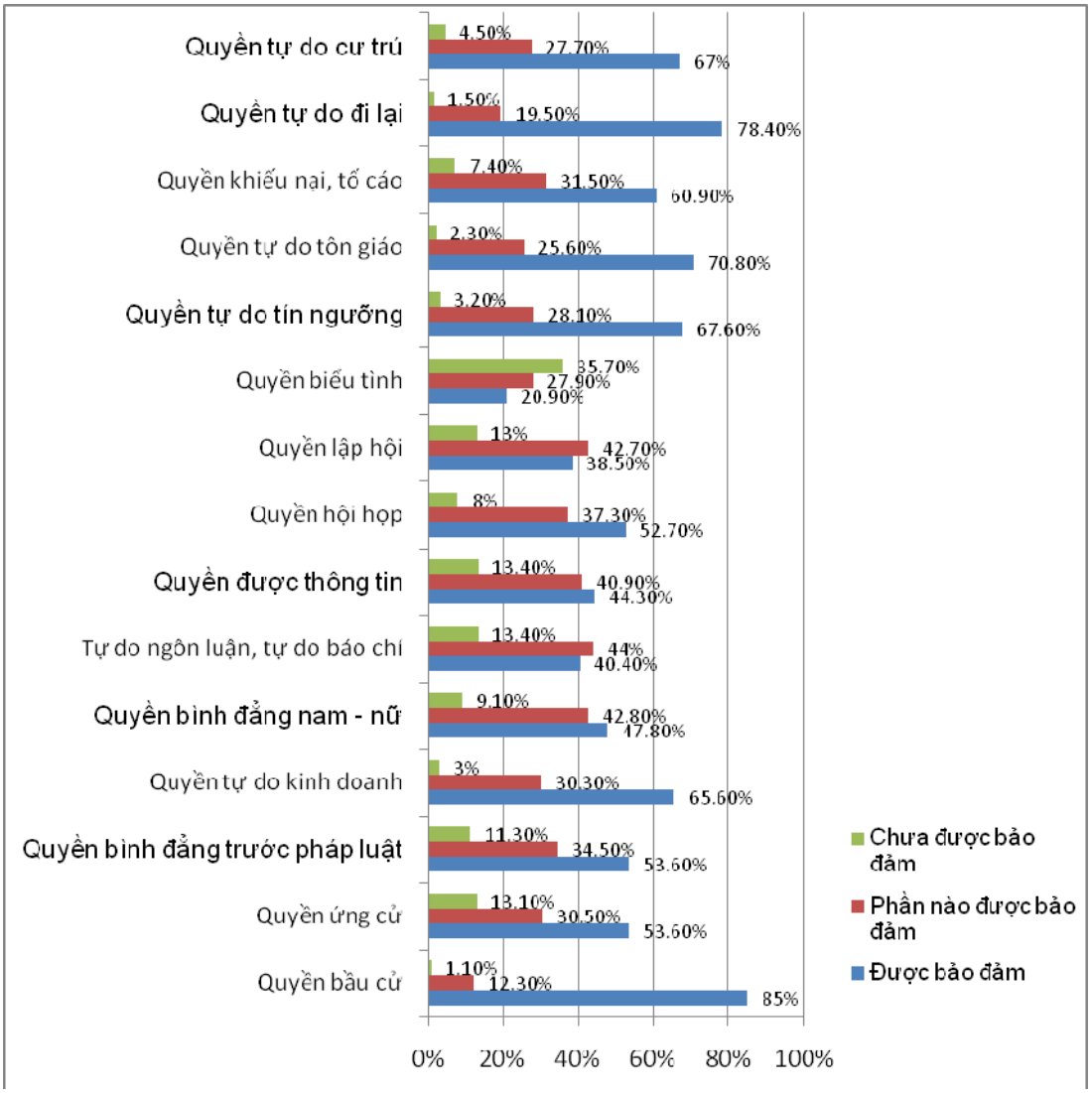

Biểu đồ 8 cho thấy nhận xét về mức độ bảo đảm đối với các quyền cơ bản khác nhau là khác nhau. Mức độ bảo đảm cao nhất thuộc về quyền bầu cử với 85% số người trả lời cho rằng quyền này đã được bảo đảm trên thực tế. Các quyền cơ bản được đưa ra khảo sát là những quyền tự do và bình đẳng quan trọng nhất được quy định trong hiến pháp và là nền tảng của bất kỳ nền dân chủ nào. Hai phần ba trong số này được đa số ý kiến cho rằng đã được bảo đảm trên thực tiễn, đó là các quyền bầu cử, tự do đi lại, tự do tôn giáo, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, tự do kinh doanh, khiếu nại tố cáo, quyền ứng cử, bình đẳng trước pháp luật, hội họp. Các quyền có mức độ bảo đảm ít hơn là nhóm quyền bình đẳng nam nữ, quyền được thông tin, tự do ngôn luận, tự do báo chí, quyền lập hội, quyền biểu tình. Các quyền này đều có mức độ bảo đảm thấp hơn 50% (Biểu đồ 9).

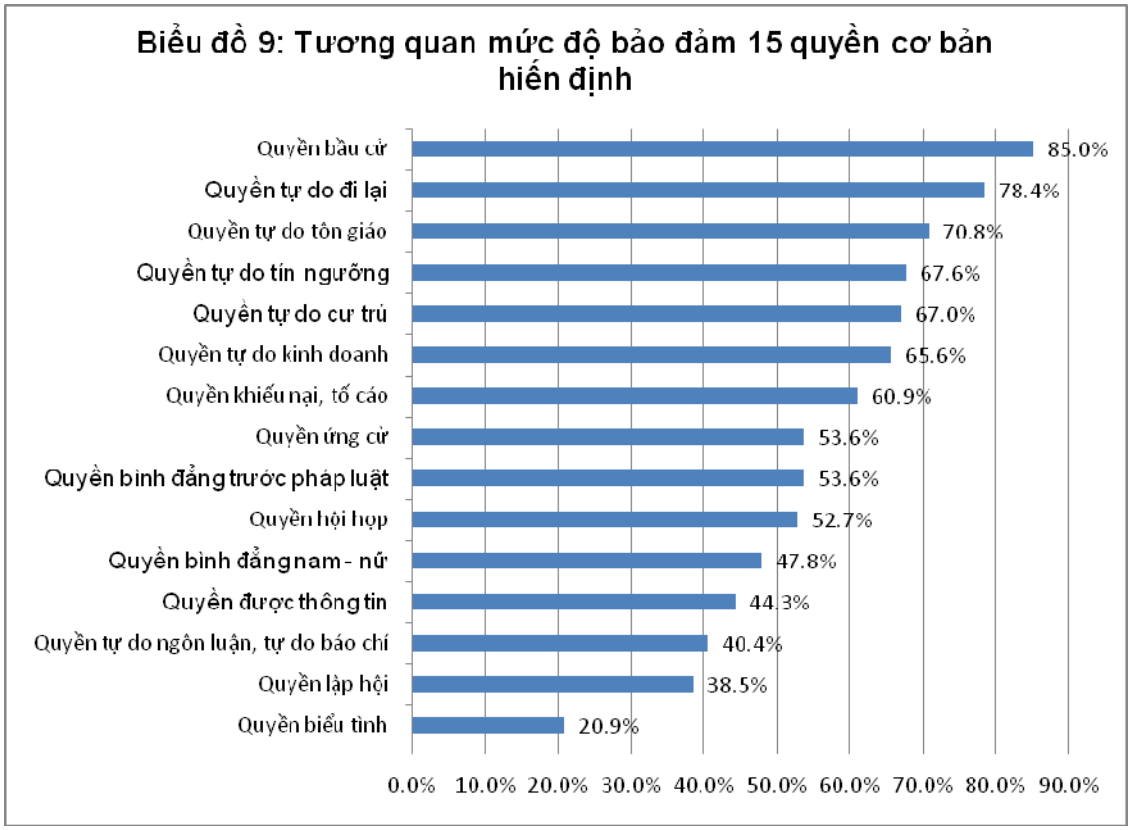

Trong số các quyền cơ bản đưa ra hỏi ý kiến, quyền biểu tình được cho là có mức độ bảo đảm thấp nhất. Chỉ 20,9% số tổ chức được hỏi cho rằng quyền này được bảo đảm trên thực tế. Con số này trên thực tế thậm chí còn có thể thấp hơn bởi trong số 545 tổ chức được hỏi thì đã có 85 tổ chức (15,6%) không trả lời. Quyền bình đẳng nam-nữ cũng là một sự ngạc nhiên. Trong khi vấn đề bình đẳng nam-nữ được quan tâm và nhắc tới nhiều ở Việt Nam, chỉ có 47,8% tổ chức được hỏi cho rằng quyền này được bảo đảm trên thực tế.

Quyền tự do tôn giáo có mức độ bảo đảm khá cao (70,8%). Tuy nhiên, chỉ có 5/9 tổ chức đại diện tôn giáo tham gia khảo sát cho rằng quyền này được bảo đảm.

Chỉ có 40,4% số tổ chức được hỏi cho rằng quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí được bảo đảm. Tuy nhiên, tỷ lệ các hội nhà báo tỉnh, tổ chức đại diện cho giới báo chí ở các tỉnh, cho rằng quyền này được bảo đảm lên tới 53%; trong khi đó chỉ có 4/36 (11%) tổ chức XHDS và 4/14 (29%) hội doanh nghiệp cho rằng quyền này được bảo đảm.

Quyền lập hội có tỷ lệ bảo đảm đạt 38,5%. Tuy nhiên chỉ có 4/36 (11%) tổ chức XHDS cho rằng quyền này được bảo đảm.

Có một sự liên hệ thú vị giữa sự bảo đảm các quyền cơ bản với thực tiễn xây dựng thể chế cụ thể hóa hiến pháp. Các quyền cơ bản có mức độ đánh giá bảo đảm cao hầu hết đều đã có luật riêng để điều chỉnh, ví dụ quyền bầu cử, ứng cử có Luật bầu cử, quyền tự do cư trú có Luật cư trú, quyền tự do tôn giáo có Pháp lệnh tôn giáo, quyền tự do kinh doanh có Luật doanh

nghiệp, quyền khiếu nại tố cáo có Luật khiếu nại và Luật tố cáo. Trong khi đó hầu hết các quyền bị coi là có mức độ bảo đảm thấp[2] đều là những quyền chưa có luật cụ thể hóa, ví dụ quyền được thông tin, quyền tự do ngôn luận, quyền lập hội, quyền biểu tình.

*** Về lý do các quyền cơ bản chưa được bảo đảm**

Đại đa số các tổ chức tham gia khảo sát cho rằng có 5 lý do cơ bản gây ra tình trạng các quyền con người, quyền cơ bản của công dân chưa được bảo đảm hoặc mới chỉ được bảo đảm một phần. Năm lý do đó là:

- Hiến pháp quy định về các quyền cơ bản của công dân một cách chưa rõ ràng và do đó khó áp dụng trong thực tiễn.

- Thiếu cơ chế bảo đảm các quyền cơ bản của công dân.

-Công tác tuyên truyền, phổ biến các quyền cơ bản của công dân còn yếu.

- Các cơ quan nhà nước chưa coi trọng Hiến pháp.

- Ý thức pháp luật của người dân thấp, không hiểu biết Hiến pháp.

Biểu đồ 10: Lý do các quyền cơ bản của được bảo đảm

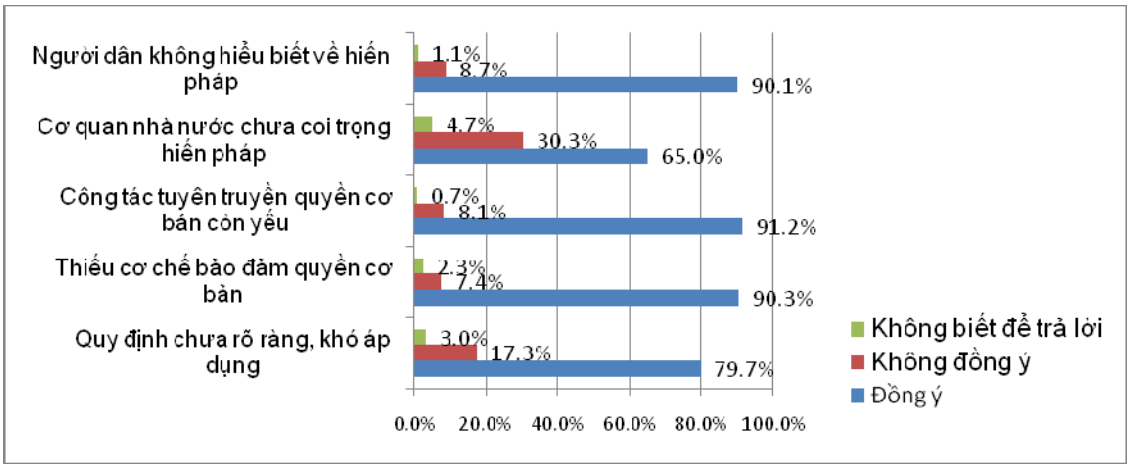

Mặc dù tỷ lệ lựa chọn giữa các phương án trên Phiếu hỏi không khác nhau nhiều, trong quá trình phỏng vấn sâu, đa số ý kiến cho rằng nguyên nhân quan trọng nhất có thể gây ra tình trạng một số quyền cơ bản chưa được bảo đảm là sự thờ ơ của các cơ quan nhà nước. Một mặt, các cơ quan nhà nước không chủ động phát huy ý thức về quyền cơ bản của công dân; mặt khác các bức xúc liên quan tới quyền cơ bản của công dân thường vấp phải thái độ vô cảm của các cơ quan nhà nước. Bên cạnh đó các ý kiến phỏng vấn sâu cũng cho rằng việc thiếu cơ chế bảo đảm quyền cơ bản hiến định là nguyên nhân sâu xa và quan trọng của tình trạng trên. Những người

[2] Ngoại trừ quyền tự do báo chí và quyền bình đẳng giới đã có luật cụ thể hóa.

được phỏng vấn lập luận rằng thiếu cơ chế bảo đảm quyền cơ bản trong hiến pháp, cơ quan nhà nước sẽ không có động lực để tôn trọng quyền cơ bản, gây ra tình trạng một số quyền cơ bản còn chưa được bảo đảm hoặc mới chỉ được bảo đảm một phần.

*** Về các biện pháp bảo đảm quyền con người, quyền cơ bản của công dân**

Phiếu khảo sát thăm dò ý kiến của các tổ chức về một số vấn đề liên quan tới cơ chế bảo đảm quyền cơ bản của công dân như: các loại hình văn bản nào được phép hạn chế quyền cơ bản, việc quy định quyền của người dân được viện dẫn trực tiếp hiến pháp và cơ chế bảo vệ quyền cơ bản trong hiến pháp.

Việc xác định văn bản pháp luật nào được phép hạn chế quyền cơ bản hiến định là vấn đề hết sức quan trọng đối với việc bảo đảm hiến pháp. Về mặt lý luận, nếu cho phép văn bản pháp luật có hiệu lực thấp được quy định về việc hạn chế quyền cơ bản của công dân thì sẽ dẫn tới tình trạng tùy tiện và quyền cơ bản sẽ không được bảo đảm. Ngược lại văn bản hạn chế quyền cơ bản có hiệu lực pháp lý càng cao thì mức độ bảo đảm càng cao. Kết quả khảo sát cho thấy tuyệt đại đa số (78%) các tổ chức chỉ chấp nhận hạn chế quyền cơ bản hiến định bằng Hiến pháp hoặc Luật, trong đó Hiến pháp chiếm 28%, Luật 50%. Số lượng các tổ chức lựa chọn các hình thức văn bản dưới luật là rất ít (từ 2% - 10%). Thậm chí Pháp lệnh có thể coi là loại hình văn bản có giá trị luật trong thực tiễn cũng chỉ nhận được 3% lựa chọn. (Biểu đồ 11)

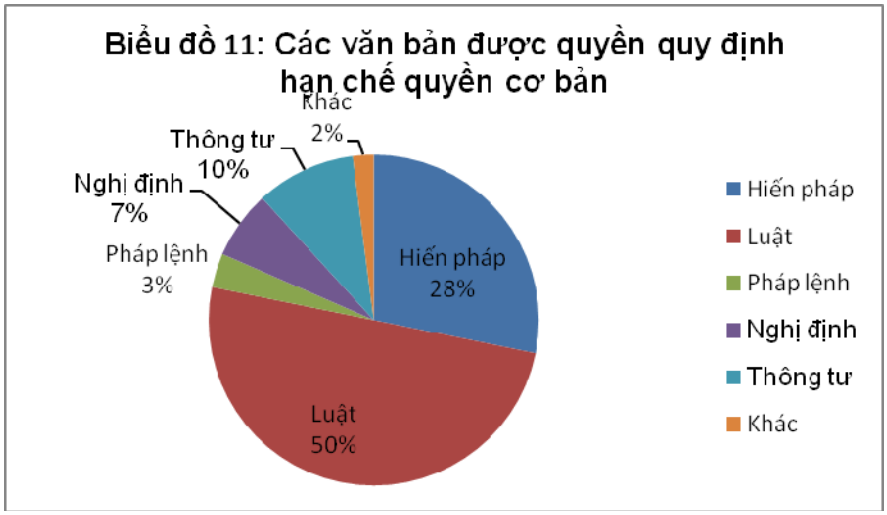

Có thể nói hội luật gia ở các tỉnh có quan điểm rất rõ ràng về việc quyền cơ bản chỉ có thể bị hạn chế bởi loại hình văn bản nào. Số liệu thống kê cho thấy chỉ có 3/45 tỉnh hội cho rằng có thể hạn chế quyền cơ bản bằng nghị định hoặc thông tư, trong khi đó có tới 44/45 số tỉnh hội cho rằng chỉ có thể hạn chế quyền cơ bản hiến định bằng luật hoặc bản thân các quy định của hiến pháp.

Trong số các tổ chức khảo sát có 362 tổ chức cho rằng trong hiến pháp hiện hành đã có quy định rõ ràng về nghĩa vụ của cơ quan nhà nước phải tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân. 132 tổ chức trong số còn lại cho rằng nếu hiến pháp hiện hành chưa có quy định

này thì cần phải bổ sung quy định này vào hiến pháp. Như vậy, số các tổ chức tham gia khảo sát cho rằng hiến pháp đã hoặc phải quy định rõ trách nhiệm cơ quan nhà nước phải tôn trọng quyền cơ bản của công dân là 494/517, chiếm tỷ lệ 95,5%.

Khi được hỏi về việc hiến pháp có nên quy định rằng các quyền cơ bản của công dân có hiệu lực pháp lý trực tiếp và mọi người đều có quyền sử dụng các quyền này để bảo vệ mình trước các cơ quan, cán bộ nhà nước và các vi phạm khác hay không thì đã có 88,3% các tổ chức trả lời cho rằng nên có quy định đó trong hiến pháp. Chỉ có hơn 11% tổ chức không đồng ý với quan điểm này.

Về cơ chế bảo vệ quyền cơ bản của công dân trong hiến pháp, có 438/522 (83,9%) tổ chức cho rằng hiến pháp có và cần có quy định về cơ chế bảo vệ quyền cơ bản của công dân trong hiến pháp. Như vậy, có thể nói là tuyệt đại đa số cho rằng để bảo đảm quyền cơ bản của công dân trong thực tế, hiến pháp cần có quy định về cơ chế bảo đảm các quyền đó.

Để bảo đảm hiệu lực thực thi của các quyền cơ bản hiến định, tuyệt đại đa số (90,5%) các tổ chức tham gia khảo sát cho rằng hiến pháp cần quy định trách nhiệm của Quốc hội phải ban hành luật cụ thể hóa các quyền cơ bản của công dân. (Biểu đồ 12) Các tổ chức XHDS là những người ủng hộ mạnh mẽ phương án này với 91,6% đồng ý.

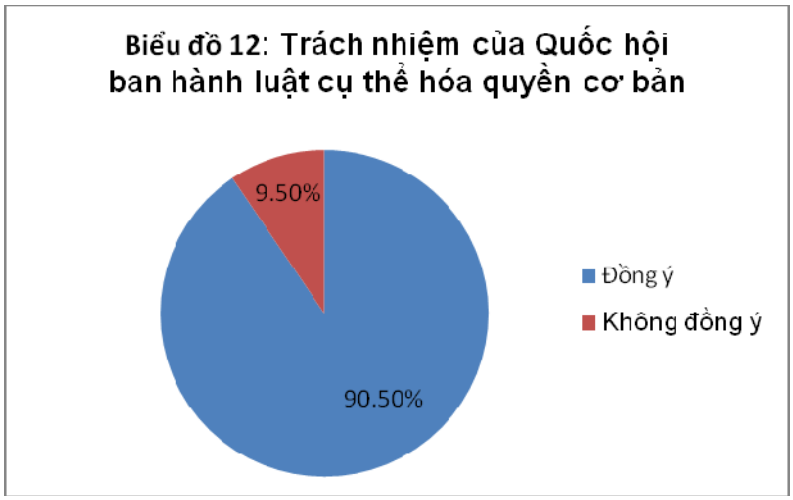

*** Về việc bổ sung hoặc giữ nguyên một số quyền và nghĩa vụ cơ bản**

Trong quá trình sửa đổi Hiến pháp 1992 hiện nay đang có quan điểm nên đưa một số quyền cơ bản mới vào hiến pháp sửa đổi, ví dụ quyền tự do xuất bản, quyền hưởng an sinh xã hội, quyền sống trong môi trường trong lành, quyền xác định dân tộc, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, quyền hưởng thụ giá trị văn hóa, sử dụng cơ sở văn hóa. Quan điểm của các tổ chức tham gia khảo sát đối với các quyền này khá khác nhau.

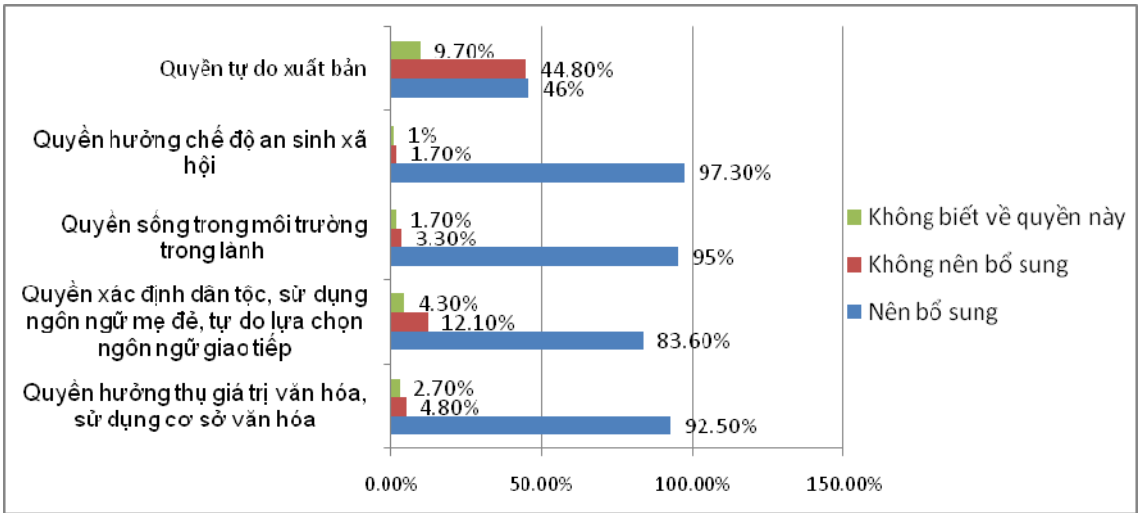

Biểu đồ 13: Tỷ lệ ủng hộ đưa các quyền cơ bản mới vào hiến pháp sửa đổi

Biểu đồ 13 cho thấy 4 quyền mới trong lĩnh vực an sinh xã hội, môi trường và văn hóa nhận được sự đồng thuận của tuyệt đại đa số các tổ chức tham gia khảo sát. Đặc biệt quyền hưởng chế độ an sinh xã hội nhận được sự đồng thuận gần như tuyệt đối (97,3%). Quyền tự do xuất bản, mặc dù có quan điểm cho rằng đây là quyền căn bản của nền dân chủ, lại không nhận được sự ủng hộ nhiều như vậy.

Số tổ chức cho rằng nên đưa quyền tự do xuất bản vào hiến pháp chỉ đạt 46%, nhỉnh hơn đôi chút so với những tổ chức cho rằng không nên đưa vào. Tuy nhiên, đây cũng là quyền nhạy cảm khi số đại diện tổ chức tỏ ra phân vân lên tới 9,7%; số lượng tổ chức không muốn trả lời vấn đề này cũng lên tới 11,2%. Trong nhóm các tổ chức XHNN, hội nhà văn và hội nhà báo, hai hội nghề nghiệp có liên quan nhiều tới quyền tự do xuất bản, lại có ý kiến khá đối lập nhau về vấn đề này. Trong khi có tới 75% hội nhà văn tỉnh ủng hộ quyền tự do xuất bản thì chỉ có 23% hội nhà báo tỉnh ủng hộ quyền này. Tỷ lệ hội luật gia tỉnh ủng hộ quyền này cũng không cao, chỉ đạt 40%.

Trong số các quyền cơ bản đang được quy định trong Hiến pháp 1992 hiện nay đang có quan điểm không nên đưa quyền học tiểu học không phải đóng học phí và quyền khám chữa bệnh có chế độ bảo hiểm y tế. Thực tế hai quyền này cũng không xuất hiện trong Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 hiện đang công bố lấy ý kiến nhân dân. Các tổ chức xã hội tham gia khảo sát có mức độ đồng thuận rất cao về vấn đề này. Theo đó, đại đa số tổ chức (86,1%) cho rằng phải đưa quyền học tiểu học không phải đóng học phí vào hiến pháp và tuyệt đại đa số tổ chức (94%) cho rằng phải đưa quyền khám chữa bệnh có bảo hiểm y tế vào hiến pháp.

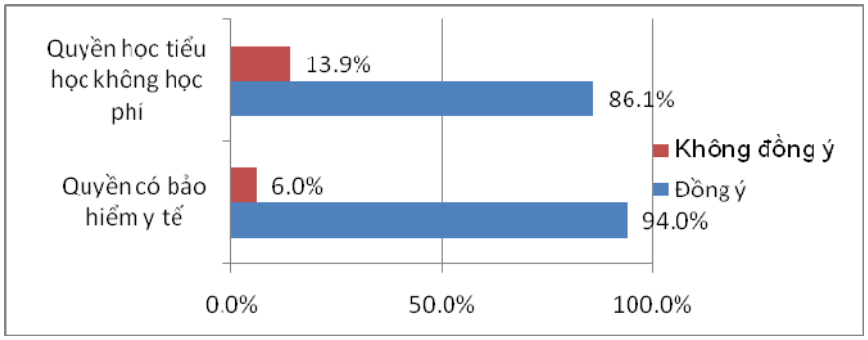

Biểu đồ 14

Trong số các nhóm tổ chức tham gia khảo sát, hội phụ nữ là tổ chức ủng hộ hai quyền này dưới mức bình quân, chỉ đạt 75% đối với mỗi quyền.Tỷ lệ ủng hộ của hội luật gia các tỉnh đối với hai quyền này lần lượt là 82,2% và 86,6%. Số liệu cho thấy các tổ chức XHDS và hội doanh nghiệp lại là các tổ chức ủng hộ mạnh mẽ nhất quyền này. Các tổ chức XHDS ủng hộ hai quyền trên đây với tỷ lệ lần lượt là 94,4% và 91,6%; hội doanh nghiệp ủng hộ quyền học tiểu học miễn phí với tỷ lệ 85,7% và đặc biệt đối với bảo hiểm y tế là 100%. Đây là sự tương phản khá thú vị vì nó cho thấy các tổ chức xã hội nghề nghiệp chưa chắc đã ủng hộ các quyền cơ bản mang định hướng XHCN nhiều hơn tổ chức XHDS và khối thị trường.

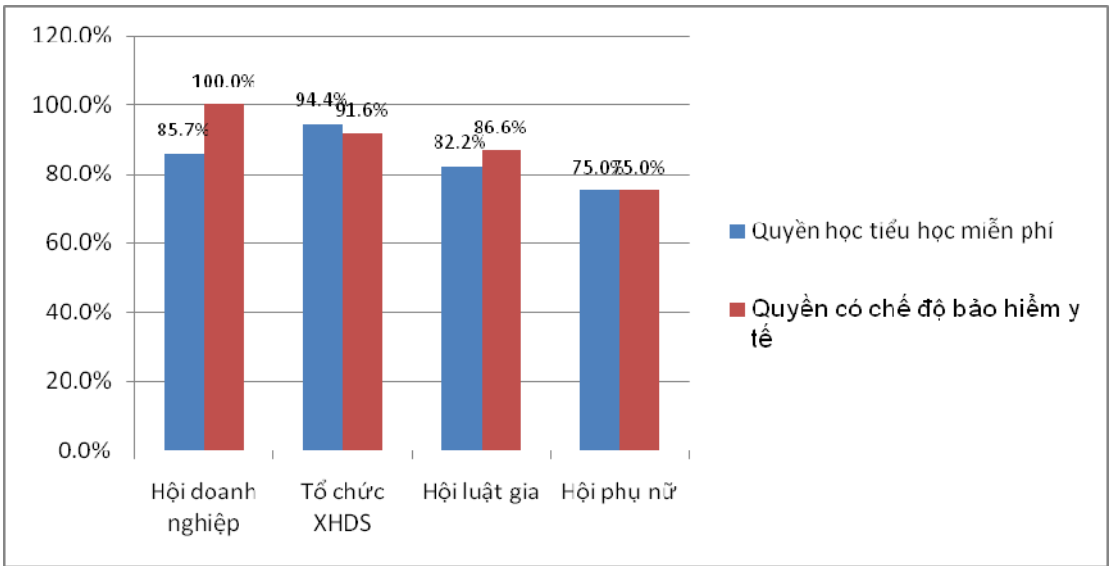

Biểu đồ 15: Tương quan tỷ lệ ủng hộ quyền học tiểu học miễn phí và có chế độ bảo hiểm y tế

Trong số ba lý do để đưa ra ý kiến ủng hộ đưa hai quyền cơ bản trên vào hiến pháp, có hai lý do nhận được sự đồng thuận của tuyệt đại đa số tổ chức tham gia khảo sát (Biểu đồ 16). Đó là:

- Việc ghi nhận hai quyền cơ bản trên thể hiện bản chất tốt đẹp của Nhà nước CHXHCN Việt Nam (tỷ lệ đồng thuận 87,9%); và

- Nhà nước cần chú trọng cung cấp dịch vụ tối thiểu cho người dân (tỷ lệ đồng thuận 92,8%).

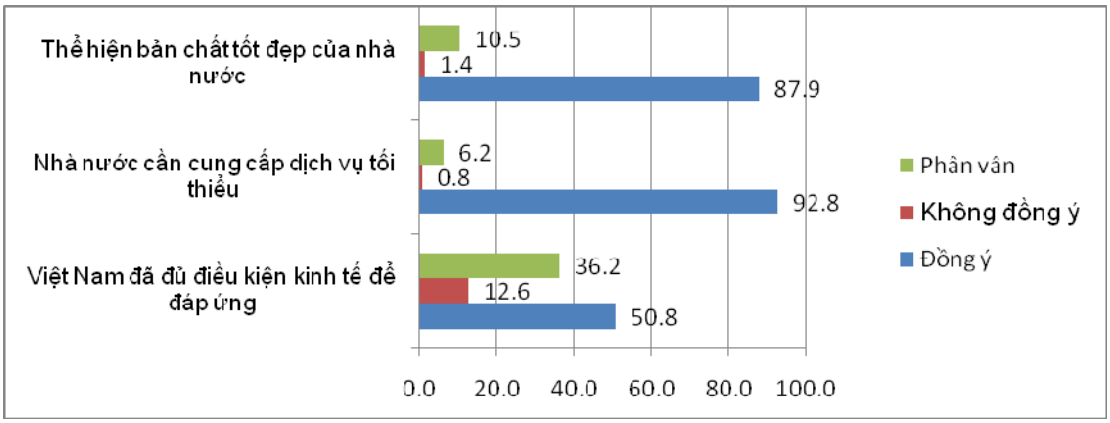

Biểu đồ 16: Lý do nên quy định quyền học tiểu học miễn phí và bảo hiểm y tế

Lý do thứ ba là một trường hợp thú vị. Chỉ có 50,8% tổ chức được hỏi cho rằng Việt Nam đã đủ điều kiện kinh tế để đáp ứng hai quyền cơ bản trên. Trong khi đó có tới 12,6% cho rằng Việt Nam chưa đủ điều kiện kinh tế và 36,2% phân vân về vấn đề này. Tuy nhiên bình quân vẫn có tới 90% các tổ chức ủng hộ đưa hai quyền vào hiến pháp sửa đổi. Điều đó cho thấy khá nhiều tổ chức tham gia khảo sát đã nhận thức được rõ bản chất của hai quyền cơ bản nêu trên và sự cần thiết phải đưa hai quyền đó vào hiến pháp cho dù điều kiện kinh tế thực sự đã đủ đáp ứng hay chưa.

Lý do để thiểu số các tổ chức không đồng ý đưa vào hiến pháp quyền học tiểu học không phải đóng học phí và khám chữa bệnh có bảo hiểm y tế được trình bày ở Biểu đồ 17.

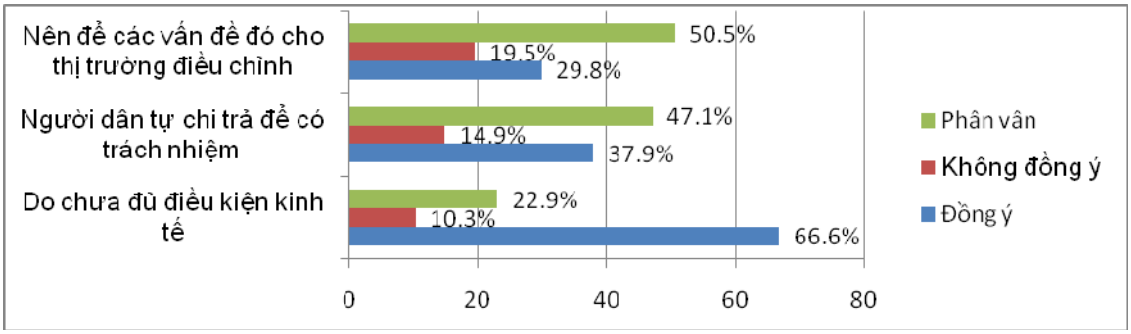

Biểu đồ 17: Lý do không đồng ý đưa quyền tiểu học miễn phí và khám chữa bệnh có bảo hiểm y tế

Mặc dù không đồng ý đưa hai quyền này vào hiến pháp sửa đổi, chỉ có 29,8% các tổ chức này đồng ý rằng vấn đề học tiểu học và khám chữa bệnh nên để thị trường điều chỉnh và chỉ có 37,9% cho rằng nên để người dân tự chi trả cho có trách nhiệm. Với tỷ lệ đồng thuận

66,6%, có lẽ điều kiện kinh tế là lý do duy nhất khiến bộ phận thiểu số này quyết định không nên đưa hai quyền mang tính phúc lợi xã hội trên vào hiến pháp.

Đối với hai nghĩa vụ cơ bản mới hiện đang có ý kiến bổ sung vào hiến pháp sửa đổi, sự đồng thuận của các tổ chức tham gia khảo sát đạt tỷ lệ rất cao. Nghĩa vụ bảo vệ môi trường nhận được 91,2% ý kiến nên bổ sung và nghĩa vụ giữ gìn, bảo vệ khối đại đoàn kết dân tộc nhận được 87,5% (Biểu đồ 18). Hội nhà văn là tổ chức duy nhất có sự ủng hộ 100% đối với nghĩa vụ bảo vệ môi trường và hội nhà báo là tổ chức duy nhất có tỷ lệ ủng hộ 100% đối với nghĩa vụ giữ gìn, bảo vệ khối đại đoàn kết dân tộc.

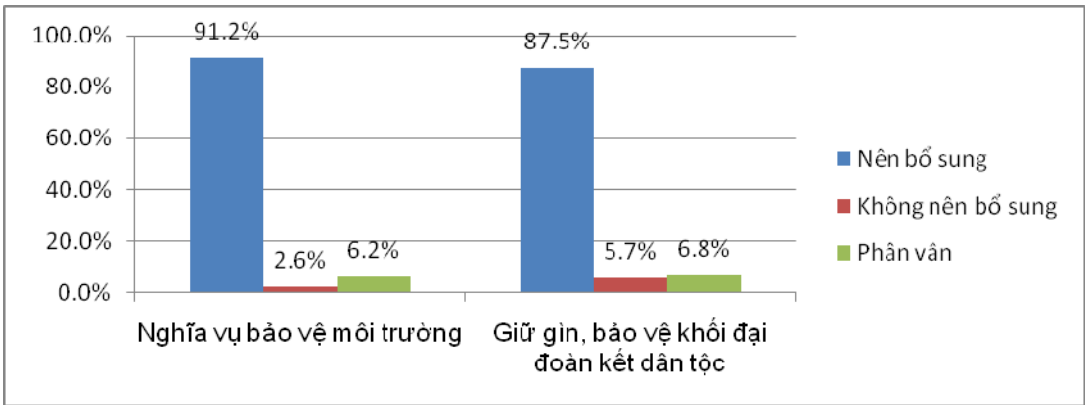

Biểu đồ 18: Ý kiến đưa nghĩa vụ bảo vệ môi trường và giữ gìn, bảo vệ khối đại đoàn kết dân tộc vào hiến pháp sửa đổi

3.4. Góp ý sửa đổi, bổ sung các quy định bảo đảm hiệu lực của hiến pháp

Xây dựng các quy định và cơ chế nhằm bảo đảm hiệu lực tối cao của hiến pháp là một trong những định hướng lớn cho việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992 hiện nay. Phiếu khảo sát đặt một số câu hỏi để thu thập ý kiến của các tổ chức nhận xét về vấn đề thực thi hiến pháp trong thực tiễn hiện nay. Kết quả khảo sát cho thấy chỉ có 36,4% tổ chức tham gia khảo sát cho rằng các cơ quan nhà nước nghiêm chỉnh thực thi hiến pháp, số còn lại chỉ thực thi tương đối (53,5%) hoặc không nghiêm chỉnh (10,1%) hiến pháp. (Biểu đồ 19)

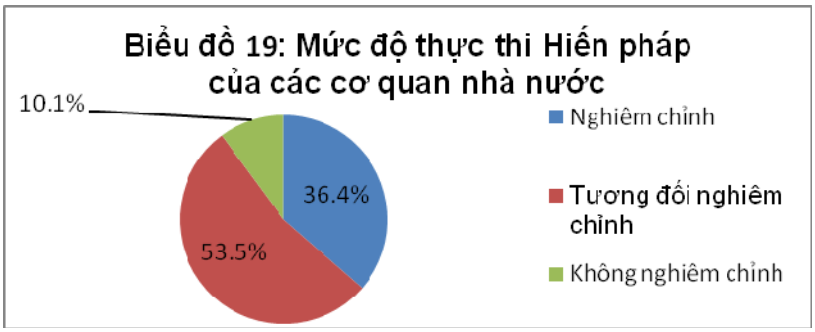

Theo nhận định của các tổ chức tham gia khảo sát, các cơ quan nhà nước cũng là đối tượng dễ vi phạm hiến pháp. Chỉ có 2,7% tổ chức tham gia khảo sát cho rằng các cơ quan nhà

nước không vi phạm hiến pháp. Tuyệt đại đa số các tổ chức cho rằng các cơ quan nhà nước Việt Nam ít nhiều vi phạm hiến pháp. (Biểu đồ 20)

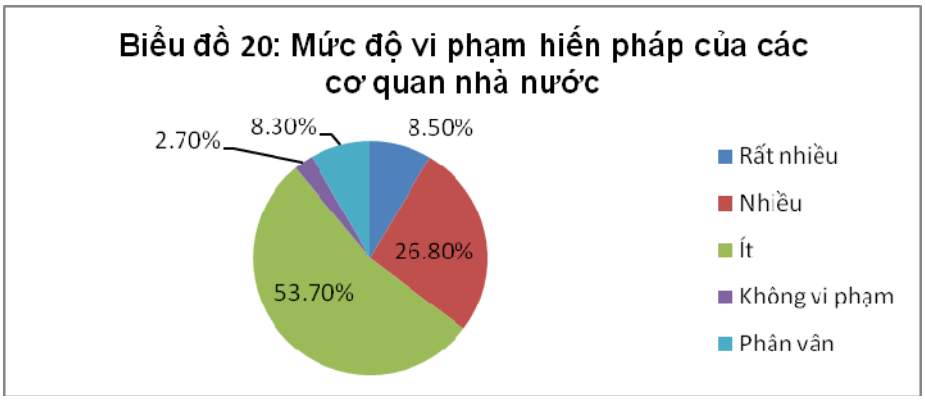

Tương phản với số liệu ở Biểu đố 19 và 20, chỉ có 42,4% các tổ chức tham gia khảo sát cho rằng các chủ thể không phải là cơ quan nhà nước hay cơ quan đảng có vi phạm hiến pháp; trong khi đó 48,3% ý kiến không đồng ý với nhận định này và 9,3% phân vân. (Biểu đồ 21)

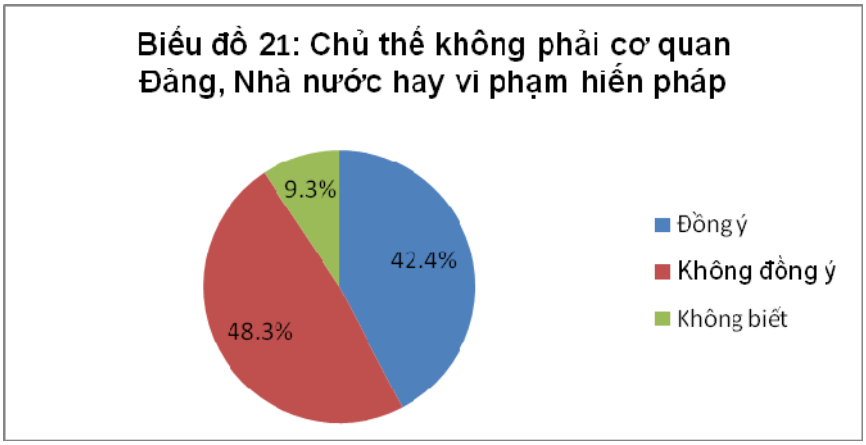

Có thể thấy rằng, theo quan điểm của các tổ chức tham gia khảo sát, các cơ quan nhà nước là chủ thể tiềm ẩn có thể vi phạm hiến pháp và trên thực tế đã là chủ thể vi phạm hiến pháp chứ không phải các cá nhân hay tổ chức khác. Quan điểm này là khá phù hợp với quan điểm học thuật.

Đối với các lý do đưa ra để lấy ý kiến đối với tình trạng các cơ quan nhà nước chưa nghiêm chỉnh tuân thủ hiến pháp, đại đa số các tổ chức tham gia khảo sát đồng ý với bốn lý do (Biểu đồ 22):

- Hiến pháp quy định quá chung chung, do đó khó áp dụng cho tình huống cụ thể.

- Người dân không biết, không quan tâm tới hiến pháp nên ít dùng hiến pháp khi làm việc với các cơ quan nhà nước.

- Thiếu cơ chế xử lý vi phạm hiến pháp hiệu lực, hiệu quả.

- Cơ quan nhà nước chưa coi trọng hiến pháp.

Trong số 4 lý do nêu trên, lý do 4 nhận được sự đồng thuận cao nhất (97,8%).

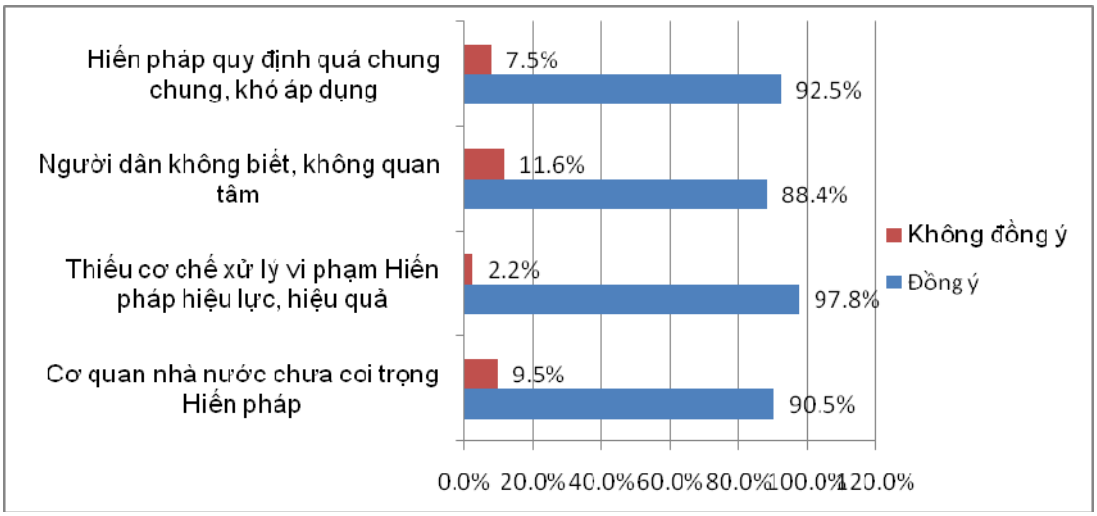

Biểu đồ 22: Lý do các cơ quan nhà nước chưa nghiêm chỉnh tuân thủ Hiến pháp

Trong số 310 tổ chức tham gia trả lời câu hỏi về việc có nên quy định cơ chế bảo hiến trong hiến pháp hay không có tới 280 tổ chức cho rằng điều đó là cần thiết, chiếm tỷ lệ 90,3%. Phần lớn các tổ chức này cho rằng mô hình hội đồng hiến pháp, cho dù có tư cách độc lập hay lệ thuộc vào Quốc hội, là cơ quan thích hợp nhất để thực hiện chức năng bảo hiến trong bộ máy nhà nước Việt Nam. Tòa án nhân dân tối cao, Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội cũng được lựa chọn song với số phiếu thấp hơn.(Biểu đồ 23)

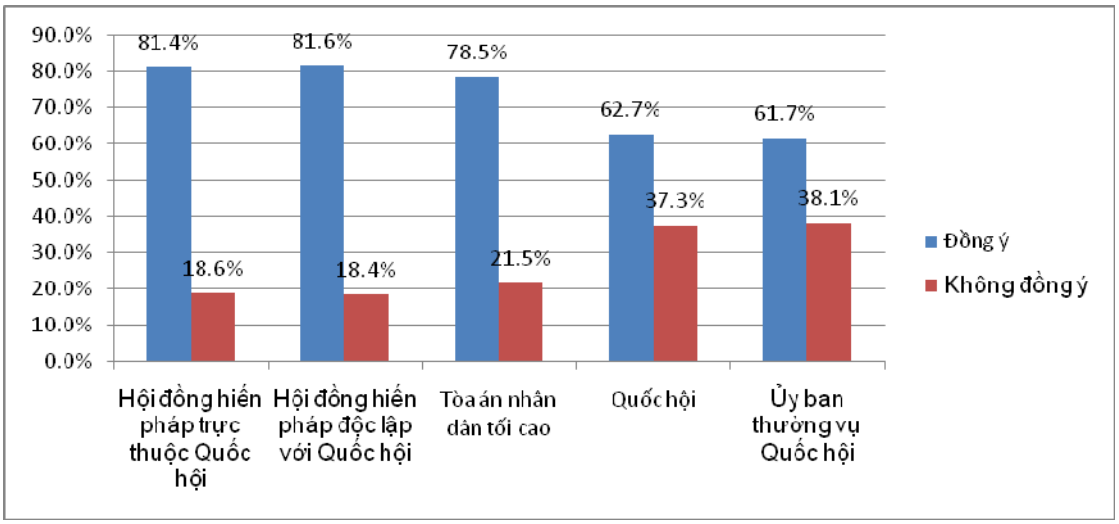

Biểu đồ 23: Mô hình xử lý vi phạm hiến pháp

Trong quá trình phỏng vấn sâu và qua hội thảo góp ý Báo cáo cũng có một số ý kiến, chủ yếu từ phía các tổ chức XHDS cho rằng nên thành lập Tòa án hiến pháp để thực hiện cơ chế bảo vệ hiến pháp ở Việt Nam. Lý do mà các tổ chức này đưa ra là tất cả các cơ quan nói trên, bao gồm cả Hội đồng hiến pháp, đều không phải là cơ quan tài phán và vì vậy sẽ khó có thể xử lý được các hành vi vi phạm hiến pháp, đặc biệt là các vi phạm hiến pháp của các cơ quan nhà nước, một cách hiệu quả.

3.5. Góp ý sửa đổi bổ sung quy định về an sinh xã hội trong hiến pháp

An sinh xã hội là thuật ngữ pháp lý mới, chưa từng được dùng trong Hiến pháp 1992 hiện hành. Theo Tổ chức Lao động Quốc tế, "an sinh xã hội" là các biện pháp của nhà nước để bù đắp sự hẫng hụt về kinh tế và xã hội cho người dân do bị mất hoặc giảm đột ngột nguồn thu nhập vì bị ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, tàn tật, tuổi già, qua đời kể cả sự chăm sóc y tế và chăm sóc con nhỏ. An sinh xã hội được thực hiện dưới hai hình thức chủ yếu là Bảo hiểm xã hội và Cứu trợ xã hội.[3] Đây là khái niệm chuẩn về an sinh xã hội được sử dụng để hỏi ý kiến của các tổ chức tham gia khảo sát.

Tuyệt đại đai số các tổ chức tham gia khảo (93,7%) cho rằng cần quy định về ASXH (Biểu đồ 24).

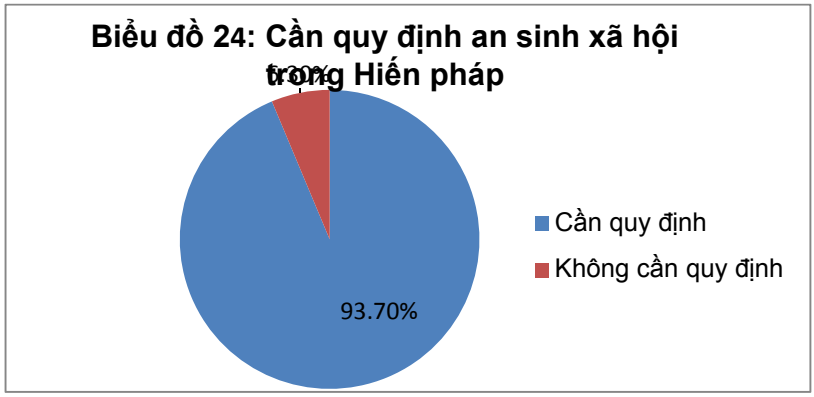

Các tổ chức xã hội ủng hộ mạnh mẽ nhất đối với việc quy định về ASXH trong hiến pháp là Liên đoàn lao động với tỷ lệ (96,3%), hội doanh nghiệp (92,8%) và tổ chức XHDS (91,7%). Hội phụ nữ một lần nữa nằm trong số các tổ chức ít ủng hộ việc đưa ASXH vào hiến pháp với tỷ lệ 84%, đứng trên hội người cao tuổi với tỷ lệ 77,7%.

Các tổ chức tham gia khảo sát có sự đồng thuận rất cao về ba mục tiêu cần đưa quy định về ASXH trong hiến pháp:

- Để định hướng cho các chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực xã hội (98,8% đồng ý).

- Để thể hiện rõ bản chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam (97,2% đồng ý).

[3] Đề tài "Phát triển hệ thống ASXH Việt Nam phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa". Đề tài khoa học cấp Bộ, -Bộ Lao động, thương binh, xã hội, 2006

- Để thể hiện sự cam kết của Nhànước CHXHCN Việt Nam trong việc thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam tham gia (98,4% đồng ý).

Nội dung đề xuất đưa vào quy định về ASXH trong hiến pháp bao gồm: (1) Khẳng định bảo đảm an sinh xã hội là chính sách nhất quán và là trách nhiệm của Nhà nước CHXHCN Việt Nam; (2) Cam kết xây dựng chế độ an sinh xã hội hợp lý, phù hợp với trình độ phát triển của Việt Nam; (3) Quy định cụ thể các chính sách thực hiện an sinh xã hội cụ thể; (4) Quy định hai hình thức an sinh xã hội là bảo hiểm xã hội và cứu trợ xã hội. Các nội dung này đều đạt được sự đồng thuận cao giữa các tổ chức (Biểu đồ 25).

Biểu đồ 25: Nội dung chính sách ASXH cần quy định trong Hiến pháp

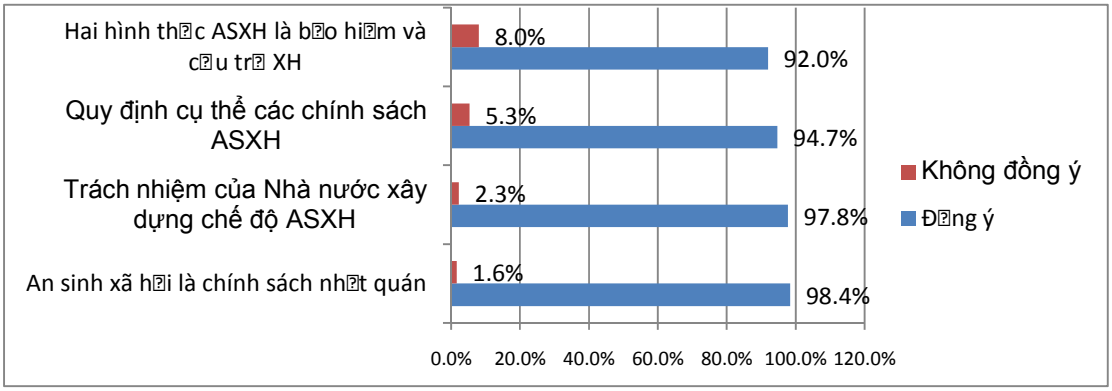

Đối với các ý kiến cho rằng không nên quy định về ASXH trong hiến pháp, lý do đưa ra là: (1) Ngân sách nhà nước Việt Nam hiện nay chưa đủ sức chi phí cho an sinh xã hội; (2) Việt Nam đang xây dựng nền kinh tế thị trường, lĩnh vực này nên để thị trường điều tiết. (Biểu đồ 26)

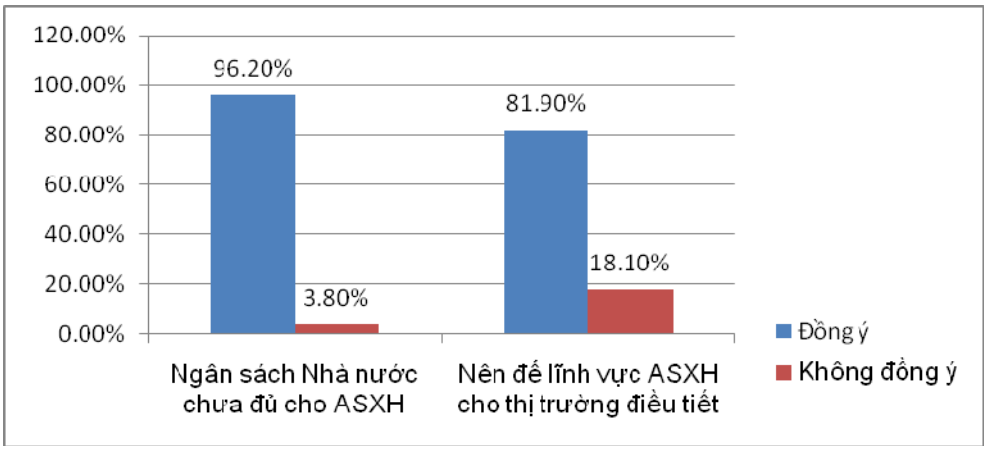

Biểu đồ 26: Lý do không quy định ASXH trong Hiến pháp

Như vậy, dường như các tổ chức tham gia khảo sát đã có sự phân biệt và cân nhắc kỹ giữa yếu tố thị trường và yếu tố xã hội khi góp ý hiến pháp. Theo ý kiến các tổ chức trong khi vấn đề học tiểu học không đóng học phí và khám chữa bệnh có bảo hiểm y tế không nên chịu tác

động của yếu tố thị trường thì các tổ chức dường như sẵn sàng chấp nhận việc để lĩnh vực ASXH cho thị trường điều tiết.

4. K□t lu□n và đ□ xu□t

Qua kết quả khảo sát phân tích trên đây, có thể đưa ra một số kết luận và đề xuất góp ý sửa đổi Hiến pháp 1992 dựa trên tổng hợp ý kiến của các tổ chức XHNN, XHDS và tổ chức tôn giáo như sau:

- Đề xuất 1: Tăng cường công tác tuyên truyền, lấy ý kiến sửa đổi Hiến pháp 1992 qua các phương tiện thông tin đại chúng. Kết quả khảo sát cho thấy đây là nguồn thông tin quan trọng nhất để các tổ chức và người dân biết và bàn về sửa đổi hiến pháp.

- Đề xuất 2: Để đáp ứng được nhu cầu và kỳ vọng của người dân, quá trình sửa đổi Hiến pháp 1992 phải thể hiện được một số tinh thần căn bản: (1) bảo đảm bộ máy nhà nước minh bạch, hiệu quả hơn, một trong những cách thức cần tiến hành là phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong hiến pháp sửa đổi; (2) bảo đảm cho người dân quyền được biết, được bàn, được kiểm tra; (3) bảo đảm quyền cơ bản của người dân; (4) Bảo đảm ngăn chặn tình trạng lạm quyền của cơ quan nhà nước. Đó cũng là nguyện vọng chung của tuyệt đại đa số các tổ chức XHNN, XHDS và tôn giáo tham gia khảo sát.

- Đề xuất 3: Bổ sung vào Dự thảo sửa đổi Hiến pháp quy định về việc tổ chức cho nhân dân bỏ phiếu về các nội dung sửa đổi hiến pháp (phúc quyết hiến pháp). Đây là vấn đề nhận được sự đồng thuận của 65,9% (tương đương gần 2/3) số tổ chức tham gia khảo sát.

- Đề xuất 4: Bổ sung quy định về vai trò của tổ chức xã hội nói chung, trong đó có tổ chức XHNN, XHDS và tôn giáo, trong hiến pháp. Nội dung của quy định này bao gồm các vấn đề: (1) công dân có quyền thành lập các TCXHNN, TCXH phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng và theo quy định của pháp luật; (2) tổ chức xã hội nghề nghiệp tập hợp và đại diện cho các lợi ích và nhu cầu chính đáng của các tầng lớp nhân dân; (3) tổ chức xã hội, nghề nghiệp tham gia xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật; (4) tổ chức xã hội, nghề nghiệp thực hiện phản biện đối với chính sách, pháp luật do cơ quan nhà nước dự thảo và ban hành trong các lĩnh vực tương ứng; (5) tổ chức xã hội, nghề nghiệp tuyên truyền, vận động các thành viên thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước trong các lĩnh vực tương ứng.

- Đề xuất 5: Quy định trong Chương 2 (quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân) quy định quyền con người và quyền cơ bản của công dân chỉ có thể bị giới hạn bởi Luật. Đây là vấn đề nhận được sự đồng thuận của đại đa số các tổ chức tham gia khảo sát (78%). Đặc biệt, ý kiến của hội luật gia, tổ chức tập hợp các chuyên gia pháp luật, ủng hộ gần như tuyệt đối đề xuất này (97,7%)

- Đề xuất 6: Quy định trong Chương 2 (quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân) quy định Quốc hội có trách nhiệm ban hành luật để cụ thể hóa các quyền con người, quyền cơ bản của công dân. Đề xuất này phù hợp với nguyện vọng của đại đa số tổ chức tham gia khảo sát (90,5%). Đặc biệt các tổ chức XHDS ủng hộ gần như tuyệt đối đề xuất này. Các số liệu phân tích trên đây cũng cho thấy một trong những lý do cơ bản dẫn tới tình trạng quyền cơ bản không được bảo đảm chính là việc thiếu vắng các quy định của luật cụ thể hóa các quyền cơ bản. Cụ thể, nghiên cứu khảo sát cho thấy đa số các quyền có mức độ bảo đảm thấp nhất là những quyền chưa có luật cụ thể hóa.

- Đề xuất 7: Bổ sung trong Chương 2 (quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân) quy định cơ quan nhà nước có nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền cơ bản của công dân; mọi cá nhân, công dân có quyền viện dẫn trực tiếp các quyền cơ bản của mình để yêu cầu các cơ quan nhà nước tôn trọng và bảo vệ.

- Đề xuất 8: Bổ sung một số quyền cơ bản của công dân hiện chưa có trong Hiến pháp 1992, bao gồm quyền hưởng an sinh xã hội, quyền sống trong môi trường trong lành, quyền xác định dân tộc, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, quyền hưởng thu giá trị văn hóa, sử dụng cơ sở văn hóa. Trong Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 đang lấy ý kiến nhân dân đã có quy định về các quyền cơ bản mới này.

- Đề xuất 9: Tiếp tục quy định trong hiến pháp sửa đổi Hiến pháp 1992 quyền công dân học tiểu học không phải đóng học phí và khám chữa bệnh có chế độ bảo hiểm y tế. Nội dung này nhận được sự đồng thuận của tuyệt đại đa số các tổ chức và các ý kiến phản đối hầu như không có lý do thuyết phục.

- Đề xuất 10: Trong hiến pháp sửa đổi Hiến pháp 1992 cần có quy định về cơ chế bảo vệ hiến pháp. Mô hình nên cân nhắc là mô hình hội đồng bảo hiến nằm trong cơ cấu tổ chức của Quốc hội hoặc độc lập với Quốc hội. Hiện tại Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 cũng đã có quy định về Hội đồng hiến pháp nằm tương đối độc lập với Quốc hội.

- Đề xuất 11: Bổ sung quy định về ASXH trong hiến pháp sửa đổi. Quy định về ASXH nên có các nội dung sau: (1) Khẳng định bảo đảm an sinh xã hội là chính sách nhất quán và là trách nhiệm của Nhà nước CHXHCN Việt Nam; (2) Cam kết xây dựng chế độ an sinh xã hội hợp lý, phù hợp với trình độ phát triển của Việt Nam; (3) Quy định cụ thể các chính sách thực hiện an sinh xã hội cụ thể; (4) Quy định hai hình thức an sinh xã hội là bảo hiểm xã hội và cứu trợ xã hội. Các nội dung này đều đạt được sự đồng thuận cao giữa các tổ chức. Hiện tại, Sự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 cũng đã có quy định về an sinh xã hội (Điều 63) song chưa thể hiện được hết các nội dung cụ thể trên.

Ph□ l□c A: Phi□u kh□o sát

PHIẾU KHẢO SÁT
GÓP Ý SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA HIẾN PHÁP 1992

Nhằm góp phần phản ánh ý kiến, nguyện vọng của giới luật gia cũng như các tổ chức xã hội, nghề nghiệp vào quá trình dự thảo Hiến pháp sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992 đang diễn ra, Trung ương Hội luật gia Việt Nam tổ chức khảo sát ý kiến của giới luật gia, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp về nhu cầu cần sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992 đối với một số nội dung sau đây: (1) Sự cần thiết có quy định riêng về vị trí, vai trò của tổ chức xã hội, nghề nghiệp trong hiến pháp; (2) Các quy định về quyền con người, quyền nghĩa vụ cơ bản của công dân; (3) Các quy định về bảo đảm tính hiệu lực của hiến pháp và cơ chế bảo vệ hiến pháp; (4) Các quy định về an sinh xã hội trong hiến pháp.

Trung ương Hội luật gia kính mong sự tham gia nhiệt tình, khách quan, và trách nhiệm của Quý vị vào cuộc khảo sát. Chúng tôi cam kết toàn bộ nội dung phiếu khảo sát sẽ được giữ kín và chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học.

*Để trả lời các câu hỏi xin Quý vị vui lòng đánh dấu **X** vào ô □. Trừ khi có chỉ dẫn cụ thể về việc có thể chọn nhiều phương án trả lời, Quý vị**chỉ chọn 1 câu trả lời** cho mỗi câu hỏi.*

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý vị!

A. THÔNG TIN CHUNG

Câu A1. Giới tính của Quý vị?	□1.Nam □2. Nữ
Câu A2. Tuổi của Quý vị?	□1. Dưới 25 □2. từ 25 – 40 □3. Từ 41 – 55 □3. trên 55
Câu A3. Trình độ học vấn của Quý vị?	□1. Phổ thông □2. Trung cấp □3. Cao đẳng □4. Đại học □5. Trên đại học
Câu A4. Quý vị đang sinh hoạt ở tổ chức xã hội, nghề nghiệp nào?	□1.Hội luật gia □2. Hội phụ nữ □3. Liên đoàn lao động □4. Hội nông dân □5. Đoàn thanh niên □6. Hội người cao tuổi □7. Hội cựu chiến binh □8. Hội nhà báo □9. Hội nhà văn □10. Ủy ban đoàn kết công giáo □11. Hội phật giáo □12. Tổ chức khác: .....

Câu A5. Nếu Quý vị đang sinh hoạt ở Hội luật gia, xin Quý vị cho biết mình thuộc thành phần nào trong Hội luật gia?	□1. Thường trực hội □2. Tòa án □3. Viện kiểm sát □4. Công an □5. Luật sư □6. Sở Tư pháp
Câu A6. Tôn giáo củaQuý vị?	□1. Phật giáo □2.Thiên chúa giáo □3.Hòa hảo □4. Tin lành □5. Cao đài □6. Không tôn giáo □7. Khác: *(Xin ghi rõ)*.....
Câu A7. Quý vịthuộc dân tộc nào?	□1. Kinh □2. Thái □3. Tày □4. Mường □5. Hoa □6. Khác: *(Xin ghi rõ)*.....

Câu A8. Quý vị biết thông tin về việc xem xét sửa đổi bổ sung Hiến pháp 1992 của Việt Nam từ nguồn nào sau đây? ***(Có thể chọn nhiều phương án)***

□1. Các phương tiện thông tin đại chúng □2. Họp cơ quan, chi bộ

□3. Trao đổi giữa các cá nhântrong các nhóm xã hội. □4. Mới biết về việc sửa đổi khi xem Phiếu này

□5. Nguồn khác*(Xin ghi rõ):*
.....

Câu A9. Quý vịkỳ vọng những điều gìvào việc sửa đổi Hiến pháp lần này?

Phương án	Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Rất không đồng ý	Không biết để trả lời
a. Làm cho Bộ máy nhà nước hoạt động minh bạch và hiệu quả hơn.	□1	□2	□3	□4	□5
b. Bảo đảm cho người dân được biết, được bàn, được kiểm tra.	□1	□2	□3	□4	□5
c. Bảo đảm các quyền cơ bản của người dân được tôn trọng và bảo vệ.	□1	□2	□3	□4	□5
d. Bảo đảm cán bộ, cơ quan nhà nước làm đúng trách nhiệm và không lạm quyền.	□1	□2	□3	□4	□5

Câu A10. Theo Quý vị, mọi người dân có quyền được góp ý vào việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp hay không?

□1. Có □2. Không □3. Không biết □4. Không muốn trả lời

Câu A11. Theo Quý vị, người dân có nên được trực tiếp bỏ phiếuđối với các nội dungsửa đổi, bổ sungtrong Hiến pháp hay không?

□1. Có □2. Không □3. Không biết □4. Không muốn trả lời

B. NỘI DUNG QUY ĐỊNH VỀ VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA TỔ CHỨC XÃ HỘI, NGHỀ NGHIỆP TRONG HIẾN PHÁP

Câu B1.Hiện tại trong Hiến pháp 1992 (sửa đổi bổ sung 2001) không có quy định dành riêng điều chỉnh về vị trí, vai trò của tổ chức xã hội, nghề nghiệp. Theo Quý vị, Hiến pháp có nên có quy định điều chỉnh về vấn đề này không?

□1. Có □2. Không ***(CHUYỂN CÂU B4)***

Câu B2. Theo Quý vị, vì sao phải quy định về tổ chức xã hội, nghề nghiệp trong Hiến pháp?(*Có thể chọn nhiều phương án*)

Phương án	Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Rất không đồng ý	Không biết để trả lời
a. Quy định như vậy sẽ thể hiện một chế độ xã hội dân chủ hơn.	□1	□2	□3	□4	□5
b. Quy định như vậy sẽ tạo nền tảng pháp lý cơ bản cho hoạt động của tổ chức xã hội nghề nghiệp.	□1	□2	□3	□4	□5
c. Quy định như vậy sẽ giúp cho hoạt động lập chính sách và thi hành chính sách của cơ quan nhà nước đối với từng lĩnh vực trong xã hội được phù hợp với thực tiễn.	□1	□2	□3	□4	□5
d. Quy định như vậy sẽ giúp cho hoạt động lập chính sách và thi hành chính sách của các cơ quan nhà nước phù hợp với mong muốn của xã hội hơn.	□1	□2	□3	□4	□5
e. Quy định như vậy sẽ giúp cho các tổ chức, xã hội nghề nghiệp có cơ sở phản ánh tốt hơn ý kiến, nguyện vọng của các tầng lớp dân cư.	□1	□2	□3	□4	□5

g. Lý do khác *(Xin ghi rõ)*

……

Câu B3. Theo Quý vị, quy định về tổ chức xã hội, nghề nghiệp trong Hiến pháp sửa đổi, bổ sung nên bao gồm những nội dung gì? (*Có thể chọn nhiều phương án*)

Phương án	Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Rất không đồng ý	Không biết để trả lời

a.Quy định công dân có quyền thành lập tổ chức xã hội nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu nguyện vọng của mình và theo quy định của pháp luật.	□1	□2	□3	□4	□5
b. Quy định tổ chức xã hội, nghề nghiệp tập hợp và đại diện cho các lợi ích và nhu cầu chính đáng của các tầng lớp nhân dân.	□1	□2	□3	□4	□5
c. Quy định tổ chức xã hội, nghề nghiệp tham gia xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật.	□1	□2	□3	□4	□5
d. Quy định tổ chức xã hội, nghề nghiệp thực hiện phản biện đối với chính sách, pháp luật do cơ quan nhà nước dự thảo và ban hành trong các lĩnh vực tương ứng.	□1	□2	□3	□4	□5
e. Quy định tổ chức xã hội, nghề nghiệp tuyên truyền, vận động các thành viên thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước trong các lĩnh vực tương ứng.	□1	□2	□3	□4	□5
g. Quy định tổ chức xã hội, nghề nghiệp, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước trong các lĩnh vực có liên quan tới phạm vi hoạt động của mình.	□1	□2	□3	□4	□5

h. Lý do khác: *(Xin ghi rõ)*

……...

(<u>Chú ý: Sau khi trả lời câu B3, chuyển Mục C</u>)

Câu B4. Nếu ở câu B1 Quý vị chọn phương án "Không" thì vì sao Quý vị cho rằng Hiến pháp không cần có quy định điều chỉnh về vị trí, vai trò của của tổ chức xã hội, nghề nghiệp? (*Có thể chọn nhiều phương án)*

□1.Vì tổ chức xã hội, nghề nghiệp không thể có vai trò quan trọng như các tổ chức chính trị (Đảng cộng sản), tổ chức chính trị xã hội (MTTQVN, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Liên đoàn lao động, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên, Hội nông dân).

□2. Vì tổ chức xã hội, nghề nghiệp nên được quy định trong văn bản luật hơn là trong Hiến pháp.

□3. Vì quy định về tổ chức xã hội, nghề nghiệp trong Hiến pháp sẽ làm giảm bản chất của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân của Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

□4.Vì quy định về tổ chức xã hội, nghề nghiệp trong Hiến pháp sẽ cản trở hoạt động lập chính sách và thi hành chính sách của các cơ quan nhà nước.

□5. Lý do khác: *(Xin ghi rõ)*

……...

C. CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN TRONG HIẾN PHÁP

Quyền cơ bản của công dân là những quyền cơ bản nhất mà Nhà nước CHXHCN Việt Nam công nhận và cam kết bảo đảm cho công dân của nước mình. Quyền cơ bản của công dân có thể được phân nhóm thành các quyền cơ bản trong lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, các quyền tự do dân chủ và các quyền bất khả xâm phạm. Tương ứng với Quyền cơ bản, Nghĩa vụ cơ bản của công dân là các nghĩa vụ cơ bản nhất mà công dân phải thực hiện đối với Nhà nước CHXHCN Việt Nam. Hiện tại, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định trong Chương V, Hiến pháp 1992.

Câu C1. Trong cuộc sống và công việc hàng ngày,Quý vịcó sử dụng các quyền cơ bản được quy định trong Hiến pháp để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình không?

□1. Có □2. Không

Câu C2. Nếu ở câu C1Quý vị lựa chọn phương án "Có" thì mức độ sử dụng đó như thế nào?

□1. Rất nhiều lần □2. Nhiều lần □3. Ít □4. Rất ít

Câu C3. Trong cuộc sống và công việc hàng ngày, Quý vị có khi nào thấy người khác sử dụng các quyền cơ bản được quy định trong Hiến pháp để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của họ không?

□1. Có □ 2. Không □3. Không quan tâm, không để ý

Câu C4. Theo kinh nghiệm và quan sát của Quý vịtrong thực tiễn, Quý vị có ý kiến thế nào về việc bảo đảm thực hiện các quyền cơ bản sau đây của công dân trong Hiến pháp?

Mã số	Quyền cơ bản của công dân theo Hiến pháp	Phương án 1	Phương án 2	Phương án 3	Phương án 4
C4.1	Công dân đủ 18 tuổi có quyền bầu cử	□1. Được bảo đảm	□2. Phần nào được bảo đảm	□3. Chưa được bảo đảm	□4. Không biết
C4.2	Công dân đủ 21 tuổi có quyền ứng cử	□1. Được bảo đảm	□2. Phần nào được bảo đảm	□3. Chưa được bảo đảm	□4. Không biết
C4.3	Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật	□1. Được bảo đảm	□2. Phần nào được bảo đảm	□3. Chưa được bảo đảm	□4. Không biết
C4.4	Công dân có quyền tự do kinh doanh	□1. Được bảo đảm	□2. Phần nào được bảo đảm	□3. Chưa được bảo	□4. Không biết

				đảm	
C4.5	Công dân nữ và nam có quyền bình đẳng về mọi mặt	□1. Được bảo đảm	□2. Phần nào được bảo đảm	□3. Chưa được bảo đảm	□4. Không biết
C4.6	Tự do ngôn luận, tự do báo chí	□1. Được bảo đảm	□2. Phần nào được bảo đảm	□3. Chưa được bảo đảm	□4. Không biết
C4.7	Quyền được thông tin	□1. Được bảo đảm	□2. Phần nào được bảo đảm	□3. Chưa được bảo đảm	□4. Không biết
C4.8	Quyền hội họp	□1. Được bảo đảm	□2. Phần nào được bảo đảm	□3. Chưa được bảo đảm	□4. Không biết
C4.9	Quyền lập hội	□1. Được bảo đảm	□2. Phần nào được bảo đảm	□3. Chưa được bảo đảm	□4. Không biết
C4.10	Quyền biểu tình	□1. Được bảo đảm	□2. Phần nào được bảo đảm	□3. Chưa được bảo đảm	□4. Không biết
C4.11	Tự do tín ngưỡng	□1. Được bảo đảm	□2. Phần nào được bảo đảm	□3. Chưa được bảo đảm	□4. Không biết
C4.12	Tự do tôn giáo	□1. Được bảo đảm	□2. Phần nào được bảo đảm	□3. Chưa được bảo đảm	□4. Không biết
C4.13	Công dân có quyền khiếu nại tố cáo	□1. Được bảo đảm	□2. Phần nào được bảo đảm	□3. Chưa được bảo đảm	□4. Không biết
C4.14	Tự do đi lại	□1. Được bảo đảm	□2. Phần nào được bảo đảm	□3. Chưa được bảo đảm	□4. Không biết
C4.15	Tự do cư trú	□1. Được bảo đảm	□2. Phần nào được bảo đảm	□3. Chưa được bảo đảm	□4. Không biết

Câu C5. Nếu Quý vị có lựa chọn phương án "Phần nào được bảo đảm" hoặc "Chưa được bảo đảm" ở bất cứ phương án trả lời nào của Câu C4 trên đây thì vì sao? (*Có thể chọn nhiều phương án*)

Phương án	Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Rất không đồng ý	Không biết để trả lời
a. Do hiến pháp quy định về các quyền cơ bản của công dân một cách chưa rõ ràng và do đó khó áp dụng trong thực tiễn.	□1	□2	□3	□4	□5
b. Do thiếu cơ chế bảo đảm các quyền cơ bản của công dân.	□1	□2	□3	□4	□5
c. Do công tác tuyên truyền, phổ biến các quyền cơ bản của công dân còn yếu.	□1	□2	□3	□4	□5
d. Do các cơ quan nhà nước chưa coi trọng Hiến pháp.	□1	□2	□3	□4	□5
e. Do ý thức pháp luật của người dân thấp, không hiểu biết Hiến pháp.	□1	□2	□3	□4	□5

g. Lý do khác: *(Xin ghi rõ)*

……..

Câu C6. Theo Quý vị, các hạn chế đối với các quyền cơ bản của công dân trong Hiến pháp chỉ được phép quy định bởi loại hình văn bản quy phạm pháp luật nào của Nhà nước?

□1. Hiến pháp
□2.Luật (do Quốc hội ban hành)
□3.Pháp lệnh (hiệu lực thấp hơn Luật, do Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành)
□4.Nghị định (hiệu lực thấp hơn Pháp lệnh, do Chính phủ ban hành)
□5.Thông tư (hiệu lực thấp hơn Nghị định, do các bộ ban hành)
□6.Các loại văn bản quy phạm pháp luật khác: *(Xin ghi rõ)* ……..

Câu C7. Theo Quý vị Hiến pháp hiện hành cóquy định rõ ràng về nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân đối với các cơ quan, cán bộ nhà nước không?

□1. Có***(CHUYỂN CÂUC10)*** □2.Không □3. Không biết

Câu C8. Theo Quý vị, trong Hiến pháp nên có điều khoản quy định: Mọi cơ quan, cán bộ nhà nước ở bất kỳ cấp nào trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình đều phải tôn trọng và bảo vệcác quyền cơ bản của công dân hay không?

□1.Có □2. Không

Câu C9. Theo Quý vị,trong Hiến pháp có nên quy định rằng các quyền cơ bản của công dân có hiệu lực pháp lý trực tiếp và mọi người đều có quyền sử dụng các quyền này để bảo vệ mình trước các cơ quan, cán bộ nhà nước và mọi sự vi phạm khác không ?

□1. Có □2. Không

Câu C10. Theo Quý vị Hiến pháp hiện hànhđã có quy định về cơ chế để bảo đảm các quyền cơ bản của công dânđược thực thi trên thực tế hay chưa?

□1.Có***(CHUYỂN CÂUC13)*** □2.Chưa có □3. Không biết

Câu C11. Nếu ở câu C10Quý vị lựa chọn phương án "Chưa có" thì theo Quý vị có nên đưa vào Hiến pháp hiện hành các quy định để bảo đảm tính thực thi của các quyền cơ bản của công dân không?

□1. Có □2. Không ***(CHUYỂN CÂUC13)***

Câu C12. Nếu ở câu C11 Quý vị chọn phương án "Có" thì theo Quý vị Hiến pháp nên quy định cơ quan nào cótrách nhiệm bảo đảm tính thực thi của các quyền cơ bản của công dân? (*Có thể chọn nhiều phương án*)

Phương án	Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Rất không đồng ý	Không biết để trả lời
a. Quốc hội.	□1	□2	□3	□4	□5
b. Ủy ban thường vụ Quốc hội.	□1	□2	□3	□4	□5
c. Tòa án nhân dân.	□1	□2	□3	□4	□5
d. Viện kiểm sát nhân dân.	□1	□2	□3	□4	□5
e. Hội đồng xử lý vi phạm hiến pháp (thành lập mới).	□1	□2	□3	□4	□5

g. Cơ quan chuyên trách, độc lập trực tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của người dân về các vi phạm đối với quyền cơ bản của họ (thành lập mới)	□1	□2	□3	□4	□5

h. Cơ quan khác: *(Xin ghi rõ)*

……..

Câu C13. Theo Quý vị, có nên bổ sung một điều trong Hiến pháp quy định về trách nhiệm của Quốc hội phải ban hành các luật cụ thể hóa các quyền cơ bản của công dân để các quyền đó được bảo đảm trong thực tiễn không?

□1.Có □2. Không

Câu C14. Theo Quý vị, những quyền nào dưới đây nên được bổ sung vào chế định Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp sửa đổi, bổ sung sắp tới?

C14.1. Quyền hưởng thụ các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa, tiếp cận các giá trị văn hóa.	□1. Nên bổ sung □2. Không nên bổ sung □3. Không biết về quyền này để trả lời
C14,2 Quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, tự do lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp.	□1. Nên bổ sung □2. Không nên bổ sung □3. Không biết về quyền này để trả lời
C14.3. Quyền được sống trong môi trường trong lành và được thông tin về chất lượng môi trường sống.	□1. Nên bổ sung □2. Không nên bổ sung □3. Không biết về quyền này để trả lời
C14.4. Quyền được hưởng chế độ an sinh xã hội theo quy định của pháp luật.	□1. Nên bổ sung □2. Không nên bổ sung □3. Không biết về quyền này để trả lời

C14.5. Quyền tự do xuất bản	□1. Nên bổ sung □2. Không nên bổ sung □3. Không biết về quyền này để trả lời
C14.6. Quyền khác: (*Xin ghi rõ*) ……	

C15. Theo Quý vị, các quyền cơ bản sau có nên tiếp tục được quy định trong Hiến pháp sửa đổi, bổ sung hay không?

C15.1. Quyền đi học tiểu học không phải đóng học phí.	□1. Có	□2. Không
C15.2. Quyền khám chữa bệnh được hỗ trợ bởi bảo hiểm y tế.	□1. Có	□2. Không

C16. Nếu Quý vị chọn phương án "Không" cho câu C15.1 và/hoặc C15.2, xin quý vị cho biết lý do?
(*Có thể chọn nhiều phương án*)

Phương án	Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Rất không đồng ý	Không biết để trả lời
a. Do Việt Nam chưa đủ điều kiện kinh tế để Nhà nước đài thọ các dịch vụ trên.	□1	□2	□3	□4	□5
b. Nên để người dân chi trả toàn bộ các chi phí đó để người dân có trách nhiệm với sức khỏe/học vấn của mình.	□1	□2	□3	□4	□5
c. Nên để những vấn đề đó do thị trường điều chỉnh, Nhà nước không nên can thiệp.	□1	□2	□3	□4	□5

4. Phương án khác (*Xin ghi rõ*):
…….....

C17. Nếu Quý vị chọn phương án "Có" cho câu C15.1 và/hoặc C15.2, xin Quý vị cho biết lý do? (*Có thể chọn nhiều phương án*)

Phương án	Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Rất không đồng ý	Không biết để trả lời
a. Do Việt Nam đã đủ điều kiện kinh tế để Nhà nước đài thọ các dịch vụ trên.	□1	□2	□3	□4	□5
b. Đây là những dịch vụ tối thiểu đối với người dân nên cần có sự can thiệp của Nhà nước để bảo đảm mọi người đều được tiếp cận.	□1	□2	□3	□4	□5
c. Để thể hiện bản chất Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.	□1	□2	□3	□4	□5

d. Phương án khác (*Xin ghi rõ*):
…….....

C18. Theo Quý vị, có nên bổ sung những nghĩa vụ sau vào chế định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong Hiến pháp sửa đổi, bổ sung hay không?

Nghĩa vụ	Nên bổ sung	Không nên bổ sung	Không biết về nghĩa vụ này để trả lời
C18.1. Nghĩa vụ bảo vệ môi trường.	□1	□2	□3
C18.2. Nghĩa vụ giữ gìn, bảo vệ khối đại đoàn kết dân tộc.	□1	□2	□3

D. CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO ĐẢM TÍNH HIỆU LỰC CỦA HIẾN PHÁP VÀ CƠ CHẾ XỬ LÝ VI PHẠM HIẾN PHÁP

Câu D1. Trong phạm vi hiểu biết của mình, Quý vị vui lòng cho biết đánh giá chung về mức độ thực thi Hiến pháp 1992 của các cơ quan nhà nước?

□1.Rất nghiêm chỉnh □2.Nghiêm chỉnh
□3.Tương đối nghiêm chỉnh □4. Không nghiêm chỉnh

Câu D2. Nếu ở Câu D1Quý vịlựa chọn phương án " Không nghiêm chỉnh" thì xin Quý vịvui lòng cho biết lý do? (*Có thể chọn nhiều phương án*)

Phương án	Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Rất không đồng ý	Không biết để trả lời
a. Do cơ quan nhà nước chưa coi trọng Hiến pháp.	□1	□2	□3	□4	□5
b. Do thiếu một cơ chế xử lý vi phạm Hiến pháp có hiệu lực, hiệu quả.	□1	□2	□3	□4	□5
c. Do người dân không biết về Hiến pháp, không quan tâm tới việc cơ quan nhà nước có tuân thủ Hiến pháp hay không.	□1	□2	□3	□4	□5
c. Do các quy định của Hiến pháp quá chung chung, gây khó khăn cho việc áp dụng thống nhất trong thực tiễn.	□1	□2	□3	□4	□5

e. Phương án khác (*Xin ghi rõ*):
…….....

Câu D3. Theo Quý vị, trong thực tiễn,các cơ quan nhà nước có vi phạm Hiến pháp không và với mức độ như thế nào?

□1. Rất nhiều □2. Nhiều □3. Ít
□4. Rất ít □5. Không vi phạm □6. Không biết

Câu D4. Theo Quý vị, trong thực tiễn các chủ thể không phải là cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước có vi phạm Hiến pháp không và với mức độ như thế nào?

□1. Rất nhiều □2. Nhiều □3. Ít
□4. Rất ít □5. Không vi phạm □6. Không biết

Câu D5. Theo Quý vị, trong Hiến pháp hiện hành có quy định về cơ chế xử lý các vi phạm hiến pháp không?

□1. Có □2.Không***(CHUYỂN CÂU D7)*** □3. Không biết

Câu D6. Nếu ở Câu D5 Quý vị lựa chọn phương án "Có" thì theo Quý vị cơ chế xử lý các vi phạm hiến pháp hiện nay đã có hiệu lực, hiệu quả hay chưa?

□1. Có ***(CHUYỂN MỤC E)*** □2. Không***(CHUYỂN CÂU D7)***

Câu D7. Nếu ở câu D5 hoặc D6 Quý vị chọn phương án "Không" thì theo Quý vị có nên quy định về cơ chế xử lý các vi phạm hiến pháp trong Hiến pháp sửa đổi, bổ sung sắp tới hay không?

□1. Có □2. Không ***(CHUYỂN CÂU D10)***

Câu D8. Nếu ở Câu D7Quý vị lựa chọn phương án "Có", xin Quý vịvui lòng cho biết tại sao phải quy định về cơ chế xử lý các vi phạm hiến pháp trong Hiến pháp sửa đổi, bổ sung sắp tới? (*Có thể chọn nhiều phương án*).

Phương án	Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Rất không đồng ý	Không biết để trả lời
a. Để bảo đảm giá trị pháp lý tối cao của Hiến pháp.	□1	□2	□3	□4	□5
c. Để giúp người dân bảo đảm cho các quyền cơ bản của mình được tôn trọng và thi hành	□1	□2	□3	□4	□5
d. Để bảo đảm các cơ quan nhà nước không lạm quyền.	□1	□2	□3	□4	□5

e. Phương án khác (*Xin ghi rõ*):
…….....

Câu D9. Theo Quý vị, mô hình cơ quan xử lý vi phạm hiến pháp nào là phù hợp với cơ chế xử lý vi phạm hiến pháp trong hoàn cảnh của củaViệt Nam hiện nay? (*Có thể chọn nhiều phương án*)

Phương án	Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Rất không đồng ý	Không biết để trả lời
a. Mô hình Hội đồng xử lý vi phạm hiến pháp trực thuộc Quốc hội như một ủy ban của Quốc hội.	□1	□2	□3	□4	□5

b. Mô hình Hội đồng xử lý vi phạm hiến pháp do Quốc hội lập nhưng độc lập với Quốc hội.	□1	□2	□3	□4	□5
c. Mô hình Tòa án nhân dân tối cao là cơ quan xử lý vi phạm hiến pháp.	□1	□2	□3	□4	□5
d. Mô hình Quốc hội là cơ quan xử lý vi phạm hiến pháp.	□1	□2	□3	□4	□5
e. Mô hình Ủy ban thường vụ Quốc hội là cơ quan xử lý vi phạm hiến pháp.	□1	□2	□3	□4	□5

g. Phương án khác (*Xin ghi rõ*):
…….....

Câu D10. Nếu ở Câu D7Quý vị lựa chọn phương án "Không" thì xin Quý vị cho biết tại sao? (*Có thể chọn nhiều phương án*)

Phương án	Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Rất không đồng ý	Không biết để trả lời
a. Không nên quy định về cơ chế xử lý vi phạm Hiến pháp bởi vì hiến pháp chỉ mang tính cương lĩnh.	□1	□2	□3	□4	□5
b. Không nên quy định về cơ chế xử lý vi phạm Hiến pháp bởi vì điều đókhông phù hợp với các nguyên tắc, tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.	□1	□2	□3	□4	□5
c. Không nên quy định về cơ chế xử lý vi phạm Hiến pháp bởi vì xử lý các cơ quan nhà nước vi phạm Hiến pháp là điều không khả thi ở Việt Nam.	□1	□2	□3	□4	□5

d. Phương án khác (*Xin ghi rõ*):
…….....

E. CÁC QUY ĐỊNH VỀ AN SINH XÃ HỘI TRONG HIẾN PHÁP

Theo Tổ chức Lao động Quốc tế, "an sinh xã hội" là các biện pháp của nhà nước để bù đắp sự hẫng hụt về kinh tế và xã hội cho người dân do bị mất hoặc giảm đột ngột nguồn thu nhập vì bị ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, tàn tật, tuổi già, qua đời kể cả sự chăm sóc y tế và chăm sóc con nhỏ. An sinh xã hội được thực hiện dưới hai hình thức chủ yếu là Bảo hiểm xã hội và Cứu trợ xã hội.

Câu E1. Xin Quý vị cho biết có cần quy định về chính sách an sinh xã hội của Nhà nước trong Hiến pháp hay không?

□1. Có □2. Không **(*CHUYỂN CÂU E4*)**

Câu E2. Nếu ở Câu E1Quý vịlựa chọn phương án "Có" thì tại sao cần quy định chính sách an sinh xã hội trong Hiến pháp? ***(Có thể chọn nhiều phương án)***

Phương án	Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Rất không đồng ý	Không biết để trả lời
a. Để định hướng cho các chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực xã hội.	□1	□2	□3	□4	□5
b. Để thể hiện rõ bản chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam.	□1	□2	□3	□4	□5
c. Để thể hiện sự cam kết của Nước CHXHCN Việt Nam trong việc thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam tham gia.	□1	□2	□3	□4	□5

d. Phương án khác (*Xin ghi rõ*):

…….....

Câu E3. Theo Quý vị, nên đưa những nội dung gì vào quy định của hiến pháp về chính sách an sinh xã hội của Nhà nước? ***(Có thể chọn nhiều phương án)***

Phương án	Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Rất không đồng ý	Không biết để trả lời
a. Khẳng định bảo đảm an sinh xã hội là chính sách nhất quán và là trách nhiệm của Nhà nước CHXHCN Việt Nam.	□1	□2	□3	□4	□5

b. Cam kết xây dựng chế độ an sinh xã hội hợp lý, phù hợp với trình độ phát triển của Việt Nam.	□1	□2	□3	□4	□5
c. Quy định cụ thể các chính sách thực hiện an sinh xã hội cụ thể.	□1	□2	□3	□4	□5
d. Quy định hai hình thức an sinh xã hội là bảo hiểm xã hội và cứu trợ xã hội.	□1	□2	□3	□4	□5

e. Phương án khác (*Xin ghi rõ*):
…….....

Câu E4. Nếu ở Câu E1 Quý vị lựa chọn phương án "Không" thì xin Quý vị cho biết lý do?
(Có thể chọn nhiều phương án)

Phương án	Rất đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	Rất không đồng ý	Không biết để trả lời
a. Ngân sách nhà nước Việt Nam hiện nay chưa đủ sức chi phí cho an sinh xã hội.	□1	□2	□3	□4	□5
b. Việt Nam đang xây dựng nền kinh tế thị trường, lĩnh vực này nên để thị trường điều tiết.	□1	□2	□3	□4	□5

e. Phương án khác (*Xin ghi rõ*):
…….....

XIN CẢM ƠN QUÝ VỊ!

Ph□ l□c B: Danh sách các t□nh tham gia kh□o sát

STT	TỈNH/ THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TW	STT	TỈNH/ THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TW
1.	Quảng Nam	24	Lạng Sơn
2.	Lào Cai	25	Quảng Trị
3.	Vĩnh Long	26	Hà Tĩnh
4.	Thái Bình	27	Ninh Thuận
5.	Bắc Giang	28	Bình Thuận
6.	Bà rịa – Vũng Tàu	29	Quảng Ngãi
7.	Thanh Hoá	30	Hà Giang
8.	Kon Tum	31	Sơn La
9.	Thừa Thiên Huế	32	Cao Bằng
10.	Đồng Tháp	33	Bạc Liêu
11.	Khánh Hoà	34	Ninh Bình
12.	Bình Dương	35	Đắk Lắk
13.	Quảng Ninh	36	Kiên Giang
14.	Đồng Nai	37	Đắk Nông
15.	Vĩnh Phúc	38	Đà Nẵng
16.	Bình Định	39	Thái Nguyên
17.	Sóc Trăng	40	Bến Tre
18.	Lâm Đồng	41	TP. Hồ Chí Minh
19.	Cà Mau	42	Hà Nội
20.	Bình Phước	43	Phú Thọ
21.	An Giang	44	Bắc Ninh
22.	Lai Châu	45	Hải Dương
23.	Hải Phòng		